

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
STATE BANK OF VIETNAM



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT
2011

Mục lục

Vị thế, Chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5

Lời tựa của Thống đốc 9

Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp 11

■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam 15

1. Tổng quan kinh tế thế giới 15

2. Kinh tế Việt Nam 17

2.1. Tăng trưởng kinh tế 17

2.2. Lao động, thu nhập 20

2.3. Diễn biến lạm phát 21

2.4. Thu chi ngân sách nhà nước 22

2.5. Cán cân thanh toán 23

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ 27

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng 38

■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước 41

1. Điều hành chính sách tiền tệ 41

2. Quản lý ngoại hối 44

3. Hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng 47

4. Công tác pháp chế 48

5. Công tác phát hành kho quỹ 51

6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán 52

7. Hoạt động thông tin tín dụng 55

8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin 57

■ Phần III - Quản trị nội bộ 59

1. Kiểm soát, kiểm toán nội bộ 59

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng 59

3. Công nghệ thông tin 64

■ Phần IV - Hợp tác quốc tế 66

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế 66

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế 67

3. Quan hệ hợp tác song phương 69

■ Phụ lục 70

Vị thế, chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

■ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010

■ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010

■ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010

■ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hằng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước năm 2010

BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Ông Nguyễn Văn Bình
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đồng Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Trần Minh Tuấn
Phó Tổng đốc



Ông Đặng Thanh Bình
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Lê Minh Hưng
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Nguyễn Văn Bình

Lời tựa của Thống đốc

Bối cảnh kinh tế thế giới năm 2011 diễn biến phức tạp và rủi ro gia tăng. Tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại trong khi áp lực lạm phát vẫn tăng cao, tạo những thách thức đối với điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương các nước. Thị trường tài chính toàn cầu bất ổn, tiềm ẩn nguy cơ tái khủng hoảng tài chính toàn cầu do tác động của khủng hoảng nợ công Châu Âu, tỷ giá các đồng tiền và giá vàng biến động phức tạp. Kinh tế Việt Nam cũng chịu tác động mạnh từ tình hình bên ngoài, tiếp tục đối mặt với lạm phát ở mức hai con số từ cuối năm 2010, nhập siêu ở mức cao, thâm hụt ngân sách và nợ công ở mức sát ngưỡng an toàn. Mức độ hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới đã đặt ra cho công tác điều hành chính sách tiền tệ ngày càng khó khăn, phức tạp hơn.

Dấu ấn và thành quả

Nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong điều hành chính sách tiền tệ năm 2011 là thực hiện gói giải pháp tổng thể đề ra trong Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 của Chính phủ với mục tiêu ưu tiên kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an sinh xã hội. Trên tinh thần đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ và thận trọng, đặt mục tiêu kiểm soát tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán trong khoảng 15-16% và tăng trưởng tín dụng dưới 20%; lãi suất và tỷ giá ở mức hợp lý, phù hợp với các điều kiện vĩ mô; tập trung vốn cho các ngành sản xuất có hiệu quả, hạn chế tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro. Bên cạnh đó, NHNN tập trung triển khai chương trình hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo tinh thần hai Luật ngân hàng năm 2010 (Luật NHNN và Luật các TCTD) nhằm tạo lập hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế cho hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam; đồng thời từng bước xây dựng đề án tổng thể về tái cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Với các giải pháp tổng thể nêu trên và biện pháp chỉ đạo điều hành quyết liệt, NHNN đã đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu vĩ mô chung của Quốc hội và Chính phủ. Lạm phát được kiểm chế và giảm dần từ tháng 5/2011, cả năm 2011 ở mức 18,13%. Tăng trưởng kinh tế đạt mức 5,9%, phù hợp với bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn. Các chỉ tiêu tiền tệ tăng trưởng phù hợp với mục tiêu đề ra, tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng cho nền kinh tế được kiểm soát thành công ở mức thấp nhất trong vòng 20 năm đổi mới, tương ứng với các mức 12,1% và 14,47%. Cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng tích cực, tập trung vốn cho các ngành sản xuất có hiệu quả, hạn chế tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro. Các mức lãi suất điều hành được điều chỉnh hợp lý, phản ánh vai trò cho vay cuối cùng của NHNN. Tỷ giá và thị trường ngoại hối đi dần vào thế ổn

định và có sự cải thiện rõ rệt, tỷ giá biến động không quá 1% trong 10 tháng cuối năm 2011, cán cân thanh toán thặng dư và dự trữ ngoại hối gia tăng. Hoạt động của hệ thống tổ chức tín dụng đảm bảo an toàn, thanh khoản được đảm bảo, các tổ chức tín dụng tăng cường quản trị rủi ro, tiến tới cơ cấu lại hệ thống ngân hàng trong tương lai. Những kết quả tích cực này là tiền đề quan trọng cho kinh tế vĩ mô và hoạt động ngân hàng trong năm 2012.

Thách thức và tầm nhìn

Trong năm tới, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro, kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, NHNN điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng và linh hoạt nhằm hướng tới mục tiêu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế.

Trong trung và dài hạn, Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đang đặt quyết tâm cao thực hiện tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng mà một trong ba trụ cột chính là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng, nhằm hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nhiệm vụ và mục tiêu lớn của đất nước đang đặt ra những thách thức và trách nhiệm to lớn cho toàn ngành ngân hàng. Trong những năm tới, toàn ngành tập trung thực hiện tốt việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo yêu cầu của nền kinh tế và áp dụng từng bước các chuẩn mực quốc tế; tiếp tục đổi mới điều hành chính sách tiền tệ, quản lý thị trường ngoại hối và điều hành tỷ giá; cơ cấu sắp xếp lại một cách căn bản, triệt để hệ thống các TCTD, trong đó cố gắng tạo lập được một vài ngân hàng thương mại có tầm cỡ so với khu vực; nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng; xây dựng hạ tầng công nghệ và cơ chế quản lý nhằm bảo đảm an toàn hệ thống thanh toán quốc gia; hiện đại hóa hệ thống thông tin quản lý, tăng cường minh bạch hóa thông tin hoạt động của hệ thống ngân hàng, tranh thủ sự đồng thuận của các cấp, các ngành, của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức tài chính quốc tế trong việc thực hiện tốt sứ mạng của NHNN đối với nền kinh tế.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN VĂN BÌNH

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc xây dựng chính sách tiền tệ quốc gia và sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ theo quy định của pháp luật.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng và điều hành thị trường tiền tệ theo quy định của pháp luật.

Vụ Tín dụng

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê tiền tệ theo quy định của pháp luật.

**Vụ Dự báo, thống kê
tiền tệ**

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong ngành Ngân hàng.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân hàng Nhà nước và quản lý nhà nước về kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu cho Thống đốc, Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức, biên chế; quản lý, sử dụng, đào tạo và phát triển cán bộ, công chức, viên chức; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của NHNN theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

**Vụ Thi đua,
khen thưởng**

Cơ quan Thanh tra,
giám sát ngân hàng

Thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.

Văn phòng

Tham mưu, giúp Thống đốc chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn thư, lưu trữ của ngành ngân hàng theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.

Cục Công nghệ tin học

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ tin học trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng, tổ chức triển khai, vận hành và đảm bảo hoạt động hạ tầng công nghệ thông tin, truyền thông của NHNN.

Cục Phát hành và
kho quỹ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.

Cục Quản trị

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, hậu cần, bảo vệ an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.

Sở Giao dịch

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.

Các chi nhánh tại tỉnh,
thành phố trực thuộc
trung ương

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

Văn phòng đại diện
tại TP. Hồ Chí Minh

Thực hiện nhiệm vụ đại diện theo sự ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT
ĐỊNH THÀNH LẬP

Viện Chiến lược
ngân hàng

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công

nghe ngân hàng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích, dự báo thông tin tín dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện các dịch vụ thông tin ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn xã hội và là công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng theo quy hoạch, kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt.

*Trường Bồi dưỡng
cán bộ ngân hàng*

Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và Dự án Tài chính nhà ở.

*Ban Quản lý các dự án
tín dụng quốc tế*

Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng.

*Ban Quản lý Dự án
FSMIMS*

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2011 giảm xuống 3,8% (theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới tháng 4/2012 của IMF) với động lực chính là nhóm các nước mới nổi và đang phát triển, các nước phát triển tăng trưởng yếu ớt với tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao kỷ lục.

Kinh tế Mỹ tăng 1,8%, giảm mạnh trở lại so với mức 3,0% của năm 2010 khi gói nới lỏng tiền tệ về khối lượng QE2 bước vào giai đoạn cuối. Tiêu dùng, đầu tư tiếp tục yếu trong bối cảnh lòng tin của doanh nghiệp và hộ gia đình chưa được cải thiện, tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao, tháng 12/2011 ở mức 8,5%, và quá trình giảm hệ số nợ vẫn tiếp diễn. Thâm hụt ngân sách năm tài khóa 2011 giảm chút ít so với năm 2010 nhưng vẫn báo động, ước khoảng 8,6%GDP, gây lo ngại về khả năng duy trì mức nợ công hiện đã vượt 100%GDP. Tăng trưởng kinh tế suy giảm nhưng áp lực lạm phát tăng cao do tác động của giá năng lượng, năm 2011 là 3,2%.

Kinh tế khu vực đồng euro tăng trưởng 1,6%, một số nước rơi vào suy thoái cuối năm 2011 do cuộc khủng hoảng nợ công lan rộng. Lòng tin kinh doanh, lòng tin tiêu dùng giảm trong điều kiện tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, tháng 12/2011 là 10,6% và nỗ lực cắt giảm chi tiêu ngân sách, thực hiện chính sách tài khóa khắc khổ tại những nước mắc nợ. Tuy nhiên, kỷ luật ngân sách thắt chặt tại nhiều nước cũng góp phần thu hẹp thâm hụt ngân sách, dự kiến ở mức 4,0%GDP năm 2011. Song song với nỗi lo đình đốn kinh tế, áp lực lạm phát ở mức cao càng tạo thách thức cho điều hành chính sách vĩ mô. Năm 2011 lạm phát khu vực ở mức 2,7%.

Kinh tế Nhật Bản suy thoái trở lại, tăng trưởng kinh tế đạt -0,9% dưới tác động của trận động đất sóng thần lịch sử tháng 3/2011. Mặc dù từ quý 3, hoạt động tái thiết sau động đất giúp nền kinh tế hồi phục tạm thời, song kinh tế thế giới suy giảm và sự tăng giá của đồng Yên lại tác động tiêu cực lên xuất khẩu. Tỷ lệ thất nghiệp giảm so với năm 2010 nhưng vẫn ở mức cao, cuối năm 2011 là 4,6%. Thâm hụt

“

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2011 giảm xuống 3,8%; nhóm các nước mới nổi và đang phát triển là động lực tăng trưởng chính

ngân sách ở mức báo động, dự kiến 10,3%GDP năm 2011, tiếp tục làm trầm trọng vấn đề nợ công hiện đã lên đến 220,3%GDP. Tình trạng giảm phát tiếp tục dai dẳng, lạm phát cả năm chỉ đạt -0,24% và vẫn là trở ngại lớn nhất đối với nền kinh tế.

Các nước đang phát triển trở thành động lực tăng trưởng của thế giới với tâm điểm là nhóm BRIC (Brazil, Nga, Indonesia, và Trung Quốc). Mặc dù kinh tế thế giới khó khăn đã khiến kinh tế giảm tốc rõ rệt trong nửa cuối năm 2011 nhưng tăng trưởng vẫn được đánh giá là vững với động lực chủ yếu là cầu nội địa. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế cao và giá cả thế giới leo thang khiến lo ngại về lạm phát luôn thường trực. Nửa đầu năm 2011, lạm phát nhiều nước đã tăng trở lại mức đỉnh của năm 2008. Áp lực lạm phát có xu hướng giảm bớt trong những tháng cuối năm 2011.

Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia



Trạng thái chính sách tiền tệ thay đổi linh hoạt để phù hợp với diễn biến phức tạp của tăng trưởng kinh tế, lạm phát và rủi ro trên thị trường tài chính

Trạng thái chính sách tiền tệ thay đổi linh hoạt để phù hợp với diễn biến phức tạp của tăng trưởng kinh tế, lạm phát và rủi ro trên thị trường tài chính. Chính sách tiền tệ thắt chặt tại hầu hết các khu vực trong 7 tháng đầu năm để kiềm chế lạm phát và chuyển sang nới lỏng trong những tháng cuối năm để hỗ trợ thị trường tài chính và tăng trưởng kinh tế.

Trong 7 tháng đầu năm, xu hướng thắt chặt tiền tệ lan rộng trên toàn thế giới, từ các nước phát triển (Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch) đến các nước đang phát triển (Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN, khu vực Đông Âu, Mỹ Latinh) nhằm đối phó với lạm phát tăng cao. Tại các nước phát triển, lãi suất bình quân của nhóm G7 tăng từ 0,54%/năm thời điểm đầu năm 2011 lên 0,64%/năm vào cuối tháng 7/2011. Trong đó, đáng chú ý nhất là ECB sau 3 năm duy trì mức lãi suất thấp kỷ lục 1%/năm đã liên tục điều chỉnh tăng 2 lần lên 1,25%/năm và 1,5%/năm bất chấp kinh tế nhiều nước châu Âu vẫn yếu ớt và cuộc khủng hoảng nợ công vẫn diễn biến phức tạp. Xu hướng thắt chặt tiền tệ mặc dù không diễn ra tại Mỹ do kinh tế phục hồi không rõ nét, lãi suất mục tiêu giữ ở mức thấp kỷ lục 0-0,25%/năm nhưng Fed cũng đưa ra những thông điệp cảnh trọng hơn đối với nguy cơ lạm phát. Tại các nước đang

phát triển, xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ diễn ra mạnh mẽ. Lãi suất được điều chỉnh tăng liên tục tại nhiều quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia. Đáng chú ý, Trung Quốc bên cạnh 2 lần tăng lãi suất còn 6 lần tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc lên mức cao kỷ lục 21,5%.

Tuy nhiên, những tháng cuối năm, khủng hoảng nợ công diễn biến nhanh chóng và lan rộng, gây rủi ro đối với hệ thống tài chính, ngân hàng và tác động không thuận lợi đến hoạt động sản xuất. Các NHTW phải thay đổi định hướng điều hành chính sách tiền tệ từ thắt chặt sang nới lỏng. Trong đó, các nước phát triển mở rộng các gói cứu trợ, liên kết giữa các NHTW bơm thanh khoản USD nhằm cứu vãn hệ thống tài chính tiền tệ toàn cầu khỏi khả năng xảy ra khủng hoảng tài chính giống năm 2008-2009. ECB 2 lần cắt giảm lãi suất tái cấp vốn về mức 1%/năm hồi đầu năm, khiến lãi suất chủ đạo của nhóm G7 quay về điểm xuất phát ban đầu 0,54%/năm. Các nước đang phát triển cũng liên tục hạ lãi suất khi áp lực lạm phát có xu hướng giảm do triển vọng xấu đi của kinh tế thế giới. NHTW Trung Quốc không điều chỉnh giảm lãi suất nhưng lần đầu tiên trong 3 năm qua điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc xuống 21%.

2. Kinh tế Việt Nam

Tăng trưởng kinh tế năm 2011 chậm lại ở mức 5,89%, là mức tăng thấp so với những năm trước đây phù hợp với việc điều hành chặt chẽ các chính sách kinh tế vĩ mô để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội theo tinh thần Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ. Cầu trong nước tăng yếu nên đóng góp không đáng kể vào đà tăng trưởng, trong khi cầu nước ngoài rùng rùng đóng góp tích cực do nhập khẩu tăng thấp. Kinh tế vĩ mô đi dần vào thế ổn định, lạm phát theo tháng giảm liên tục trong nửa cuối năm 2011, nhập siêu giảm mạnh, bội chi ngân sách giảm, dự trữ ngoại hối tăng.

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Bước sang năm 2011, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều rủi ro thách thức. Kinh tế thế giới biến động phức tạp dưới tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu.

“

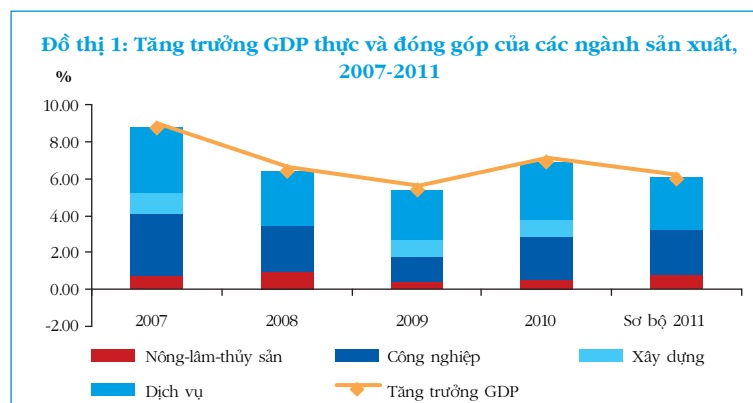
Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại, kinh tế vĩ mô dần đi vào ổn định

¹ Áp dụng đối với các ngân hàng lớn

“

Tăng trưởng kinh tế năm 2011 chậm lại ở mức 5,89% chủ yếu do cầu trong nước tăng yếu

Trong nước, lạm phát trên đà tăng cao, cán cân vãng lai thâm hụt mạnh, VND chịu áp lực phá giá. Đó là bối cảnh để Chính phủ ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP ngày 24/2/2011 với những giải pháp đồng bộ nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội. Tăng trưởng kinh tế năm 2011 ở mức 5,89%, là kết quả tác động từ kinh tế thế giới và điều hành chính sách vĩ mô chặt chẽ của Chính phủ.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Theo ngành kinh tế, tăng trưởng GDP giảm so với các năm trước chủ yếu do sự thu hẹp của lĩnh vực xây dựng

Đây là năm thứ hai trong 10 năm qua, ngành xây dựng tăng trưởng âm gần 1%, phản ánh tác động của chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt theo tinh thần Nghị quyết 11. Trong đó, chính sách tiền tệ bên cạnh chủ trương điều hành chặt chẽ, thận trọng nói chung còn đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho các lĩnh vực sản xuất như công nghiệp, nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu,... và giảm tỷ trọng vốn tín dụng cho các lĩnh vực không khuyến khích trong đó có bất động sản.

Bên cạnh ngành xây dựng, các ngành dịch vụ cũng đóng góp làm giảm sút tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng toàn ngành giảm khoảng 0,5 điểm phần trăm so với năm 2010 và giảm ở hầu hết các ngành, tuy nhiên vẫn đạt mức tăng khá 7%.

Hai ngành sản xuất chủ lực là Nông-lâm-thủy sản và Công nghiệp vẫn giữ được mức tăng trưởng khá tốt so với những năm trước đây trong điều kiện giá cả đầu vào, chi phí sản xuất gia tăng, khả năng tiếp cận vốn hạn chế do



Nhà nước thực hiện các chính sách vĩ mô thắt chặt. Trong đó, Nông-lâm-thủy sản tăng 4,0% là mức tăng cao so với bình quân nhiều năm với sự gia tăng mạnh mẽ ở cả nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Công nghiệp tăng 7,4%, cao hơn mức tăng của năm 2010; trong đó tốc độ tăng của công nghiệp chế biến vẫn khá cao, đạt 8,3%.

Về động lực bên cầu, cầu nội địa tăng thấp là nguyên nhân chính làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, ngược lại với đóng góp tích cực của cầu nước ngoài ròng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và tiêu dùng dịch vụ xã hội năm 2011 tăng thấp hơn năm 2010 cả về giá trị danh nghĩa và giá trị thực, tương ứng là 24,2% và 4,7%, phản ánh sức cầu trong nước ở mức thấp. Thu nhập thực tế suy giảm do tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm gia tăng, các thị trường tài sản như chứng khoán, bất động sản đều trầm lắng; trong khi đó lạm phát tăng cao đã ảnh hưởng tiêu cực lên tiêu dùng cuối cùng.

Đầu tư tăng thấp ở cả ba thành phần kinh tế, cụ thể khu vực Nhà nước tăng 8,0%, khu vực ngoài Nhà nước tăng 3,3% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 5,8%. Tổng thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội tăng 5,7% so với mức 17,1% của năm 2010 và chiếm 34,5%GDP tương ứng với mục tiêu 33,5-35%GDP của giai đoạn 2011-2015. Mức tăng thấp của đầu tư phù hợp với việc điều hành chính sách vĩ mô thắt chặt theo định hướng chung của Chính phủ, theo đó thực hiện tiết kiệm chi tiêu ngân sách, cắt giảm đầu tư công đồng thời với chính sách tiền tệ thắt chặt, giảm cung tiền và kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức thấp, dẫn đến kênh huy động vốn từ ngân sách và từ tín dụng ngân hàng đều thu hẹp. Trong khi đó, kênh huy động vốn từ thị trường chứng khoán và từ nước ngoài đều gặp khó khăn.

Xuất khẩu ròng cải thiện mạnh so với năm 2010 và có mức đóng góp dương vào tăng trưởng kinh tế năm 2011, trong đó chênh lệch xuất nhập khẩu theo giá so sánh quy ra VND ở mức -70,4 nghìn tỷ đồng so với mức -106,6 nghìn tỷ đồng của năm 2010. Sự cải thiện chủ yếu do nhập khẩu tăng thấp hơn nhiều so với năm 2010 xuất phát từ tăng

trưởng kinh tế chậm lại và Chính phủ kiên quyết thực hiện các giải pháp kiểm chế nhập siêu. Năm 2011, nhập khẩu theo giá so sánh chỉ tăng 2,9% - thấp nhất trong hơn 10 năm qua; trong khi xuất khẩu tăng 11,4% so với mức 15,4% của năm 2010.

2.2. Lao động, thu nhập

“

Thị trường lao động trầm lắng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2011 đạt 1.590 USD

Thị trường lao động năm 2011 diễn ra trầm lắng trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn, tuy nhiên có sự cải thiện đáng kể trong những tháng cuối năm.

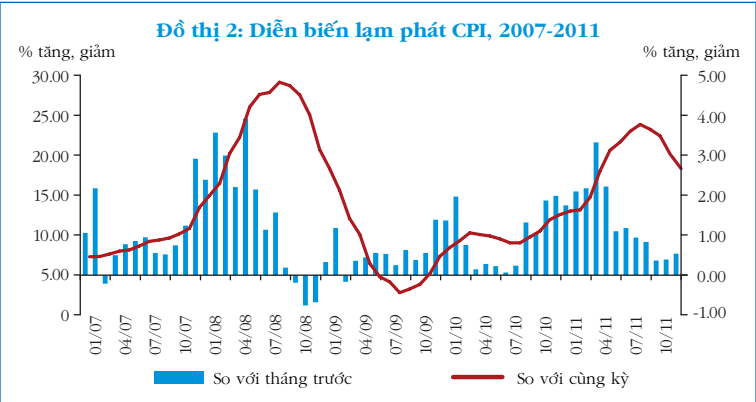
Cung lao động dồi dào do lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tăng trên 171.000 lao động so với năm 2010, đồng thời tăng trưởng kinh tế chậm lại, ảnh hưởng đến khả năng tạo việc làm của nền kinh tế. Trái với xu hướng của nguồn cung, diễn biến của cầu lao động khá ổn định ở cả phân mảng cầu trong nước và cầu lao động xuất khẩu. Tuy nhiên, từ quý 4 cầu lao động được hỗ trợ từ yếu tố cầu xuất khẩu lao động tăng trở lại, đồng thời thị trường lao động tiếp diễn tình trạng lệch pha giữa cung và cầu dẫn đến cầu cá biệt đối với một số ngành yêu cầu tay nghề, trình độ cao tiếp tục gia tăng. Thị trường lao động cải thiện đáng kể trong những tháng cuối năm là điểm sáng giúp cho các chỉ số lao động gia tăng so với năm 2010. Tỷ lệ thất nghiệp chung năm 2011 ở mức 2,27%, trong đó tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị là 3,6%, khu vực nông thôn là 1,71%, thấp hơn các mức tương ứng 2,88%, 4,43% và 2,30% của năm 2010. Số lượng lao động xuất khẩu của Việt Nam năm 2011 đạt hơn 88 nghìn lao động, đạt 101,15% kế hoạch và tăng 2,9% so với thực hiện năm 2010.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2011 đạt 1.590 USD, cao hơn mức 1.160 USD của năm 2010. Tiếp tục thực hiện lộ trình Đề án cải cách tiền lương, tiền lương tối thiểu của lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước và doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh tăng từ mức 730 nghìn đồng/tháng năm 2010 lên mức 830 nghìn đồng/tháng, tương đương với mức tăng 13,7%, cao hơn so với mức 12,3% của năm 2010.

2.3. Diễn biến lạm phát

Lạm phát cuối kỳ tăng 18,13%, cao hơn mức 11,75% của năm 2010, đồng thời lạm phát bình quân đạt 18,58% so với mức tương ứng 9,19% năm 2010. Trong rổ hàng hóa CPI, 10/11 nhóm hàng có mức tăng cao hơn năm 2010, trừ nhóm Bưu chính viễn thông. Trong đó, nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống đóng vai trò chi phối với mức tăng 24,8% và đóng góp tới 56% vào mức tăng của lạm phát năm 2011. Ở các mặt hàng phi lương thực thực phẩm, đứng đầu là nhóm Giao thông, với mức tăng 19,04% và đóng góp tới 12,31% vào mức tăng lạm phát; tương tự như vậy, các nhóm hàng sau lần lượt có mức tăng và tỷ trọng đóng góp vào mức tăng của lạm phát là: Nhà ở vật liệu xây dựng: 17,29% và 9,74%, Giáo dục: 20,51% và 6,57%, May mặc mũ nón giày dép: 12,9% và 5,28%; các nhóm hàng còn lại đóng góp ở mức thấp dưới 3%.

“
Lạm phát tăng cao so với năm 2010, nhưng xu hướng chậm lại từ tháng 5 trước các giải pháp thắt chặt chính sách vĩ mô của Chính phủ



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát năm 2011 tăng cao so với năm trước do chịu tác động đồng thời từ các yếu tố bên cung (chi phí đẩy) và bên cầu (cầu kéo), bao gồm: (1) Chỉ số giá nhập khẩu tăng cao 20,18%, trong khi năm 2010 chỉ số này ở mức 5,6% chủ yếu do tác động từ yếu tố giá thế giới; (2) Nhà nước điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu (điện, than, xăng dầu, tiền lương tối thiểu, học phí), tác động lan truyền tăng giá hàng hóa khác và lạm phát kỳ vọng; (3) Thiên tai, dịch bệnh trong nông nghiệp làm giảm nguồn cung lương thực thực phẩm; (4) Tác động trễ của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ nới lỏng trong năm 2009-2010; (5) Lạm phát kỳ vọng tăng cao; (6) Các yếu tố nội tại của nền kinh tế chưa cải thiện như năng suất lao

động, hiệu quả đầu tư ở mức thấp. Tuy nhiên, sức ép bên cầu lên lạm phát phần nào suy giảm do tăng trưởng kinh tế chậm lại trước giải pháp thắt chặt chính sách vĩ mô, do vậy các nhân tố bên cung là nguyên nhân chủ yếu khiến lạm phát năm 2011 tăng cao.

Tuy nhiên, xu hướng tăng của lạm phát chậm lại từ tháng 5/2011 do sức ép bên cung từ giá thế giới giảm và hiệu quả của chính sách vĩ mô thắt chặt. Lạm phát trong hơn nửa cuối năm 2011 bình quân đạt 0,94%/tháng, thấp hơn nhiều so với mức bình quân 2,33%/tháng của 4 tháng đầu năm 2011.

2.4. Thu chi Ngân sách nhà nước

Bội chi ngân sách năm 2011 đạt 4,9% GDP, giảm 8,2% so với kế hoạch và giảm so với mức 5,6% GDP của năm 2010 chủ yếu do thu ngân sách tăng nhanh so với chi ngân sách. Đây là mức bội chi thấp nhất kể từ năm 2006 trở lại đây, trong khi giai đoạn 2006-2010 bội chi bình quân ở mức 5,6%/năm, phản ánh hiệu quả của các giải pháp thắt chặt tài khóa của Chính phủ.

Tổng thu ngân sách năm 2011 tăng 20,6% so với năm 2010 và vượt 13,4% so với dự toán nhờ sự gia tăng ở hầu hết các khoản mục thu ngân sách. Trong đó, thu từ dầu thô tăng mạnh so với năm trước là động lực cho tăng thu ngân sách do được lợi từ giá trên thị trường thế giới với giá dầu xuất khẩu bình quân tăng 32,5% so với dự toán. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu có cùng xu hướng với mức tăng khá 10,7% so với năm 2010 xét trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến ảm đạm. Nguồn thu từ hoạt động này chủ yếu do giá hàng hóa thế giới biến động tăng và điều chỉnh tỷ giá, đồng thời tăng thu từ các biện pháp tăng thuế đối với các mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu để kiểm chế nhập siêu. Thu nội địa tiếp tục giữ ổn định so với năm 2010 và vượt 11,3% so với dự toán nhờ đẩy mạnh cải cách các biện pháp thu thuế.

Tổng chi ngân sách tăng 18,6% so với năm 2010 và tăng 9,7% so với dự toán; trong các khoản mục chi ngân sách, chi đầu tư phát triển tăng ở mức thấp và chi thường xuyên chậm lại trong điều kiện thắt chặt chi tiêu công.

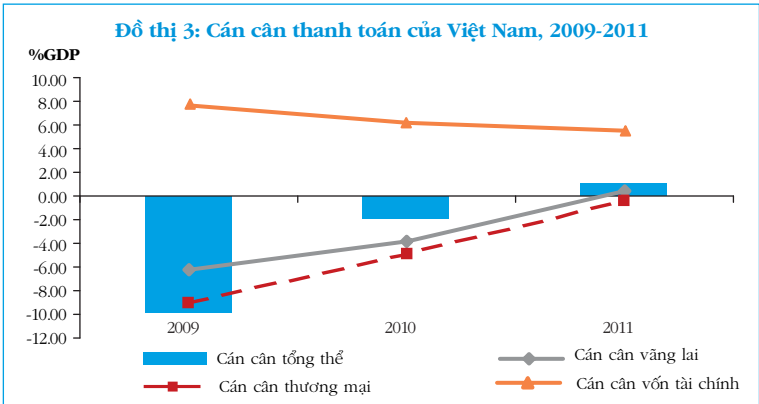
“

Thu ngân sách tăng nhanh hơn chi ngân sách giúp giảm bội chi ngân sách năm 2011 xuống 4,9% GDP

Trong đó, chi đầu tư phát triển tăng 9% so với năm 2010 và tăng 15,1% so với dự toán, là mức tăng thấp so với các mức khoảng 20%-30% của giai đoạn 2007-2009. Chi thường xuyên cũng có cùng xu hướng với mức tăng thấp hơn năm 2010 và tăng 4,8% so với dự toán do Chính phủ đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi tiêu công. Đồng thời, việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách đã bổ sung bố trí từ đầu năm và bổ sung thêm từ nguồn vượt thu ngân sách năm 2010 cũng tạo điều kiện giảm áp lực cho chi thường xuyên.

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán năm 2011 thặng dư 1,15 tỷ USD sau khi thâm hụt trong năm 2010, phản ánh sự gia tăng trong tích lũy dự trữ quốc tế ròng của Việt Nam nhờ Chính phủ đã thành công bước đầu trong việc ổn định kinh tế vĩ mô. Mặc dù tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm sút nhưng cán cân vãng lai vẫn cải thiện mạnh mẽ do tiếp tục được lợi về giá xuất khẩu. Cán cân vốn bị tác động phần nào bởi diễn biến phức tạp từ thị trường tài chính quốc tế nhưng vẫn có mức thặng dư khá cao.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Cán cân vãng lai

Cán cân vãng lai chuyển sang thặng dư nhẹ 236 triệu USD, tương đương 0,2%GDP chủ yếu nhờ sự cải thiện mạnh mẽ của cán cân thương mại, và cán cân chuyển tiền vẫn giữ được mức thặng dư ổn định trong bối cảnh kinh tế thế giới khó khăn.

Cán cân thương mại có mức thâm hụt giảm mạnh còn 450 triệu USD từ mức 5,1 tỷ USD năm 2010. Mặc dù

“

Cán cân thanh toán chuyển sang thặng dư 1,1 tỷ USD sau khi thâm hụt trong năm 2010

“

Cán cân vãng lai thặng dư nhẹ 236 triệu USD chủ yếu nhờ sự cải thiện mạnh mẽ của cán cân thương mại, và cán cân chuyển tiền vẫn giữ được mức thặng dư ổn định

tăng trưởng kinh tế thế giới suy giảm, đặc biệt tại các thị trường lớn như Mỹ, châu Âu nhưng do được lợi về giá thế giới nên xuất khẩu vẫn tăng mạnh về giá trị, đạt 96,9 tỷ USD, tăng 34,2% so với năm 2010. Trong khi đó, tăng trưởng kinh tế trong nước chậm lại cùng với các giải pháp kiểm chế nhập siêu của Chính phủ đã giúp tốc độ tăng lượng nhập khẩu đạt thấp, nhưng do giá hàng nhập khẩu vẫn tăng cao nên kim ngạch nhập khẩu theo giá FOB vẫn tăng 26,0%.

Cán cân dịch vụ có mức thâm hụt tăng lên 2,98 tỷ USD so với mức 2,46 tỷ USD của năm 2010. Tổng thu dịch vụ tăng khá 19%, đạt 8,9 tỷ USD. Đáng chú ý là dịch vụ du lịch tiếp tục có tỷ lệ tăng trưởng cao ở mức 26,3% so với năm 2010 và đóng góp chủ yếu cho mức tăng của tổng thu dịch vụ năm 2011. Lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2011 đạt 6 triệu lượt người, tăng 19,1% so với năm 2010 đã giúp tăng thu dịch vụ du lịch. Mặc dù vậy, tổng chi dịch vụ cũng tăng cao 19,5%, đạt 11,86 tỷ USD chủ yếu do mức phí vận tải bảo hiểm đối với hàng hóa nhập khẩu có xu hướng tăng cao (đạt 7,5 tỷ USD, tăng 25,9% so với năm 2010 và chiếm 63,4% trong tổng chi dịch vụ).

Cán cân thu nhập đầu tư thâm hụt 5,0 tỷ USD, tăng 10,0% so với năm 2010. Cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu làm gia tăng rủi ro vĩ mô và rủi ro tài chính, khiến xu hướng rút tiền từ nước ngoài về của các tổ chức tín dụng được đẩy mạnh; đồng thời, lãi suất quốc tế duy trì ở mức thấp nên thu lãi tiền gửi liên tục giảm. Trong khi đó, phần chi tiếp tục tăng nhẹ 7,8% lên 5,4 tỷ USD. Cơ cấu chi trả thu nhập đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài trong năm 2011 có sự thay đổi so với năm 2010; trong đó, chi trả lãi cho các khoản lãi vay nợ nước ngoài đạt 889 triệu USD, tăng 60,5% so với năm 2010 do số dư nợ nước ngoài ở mức cao và có xu hướng tăng, đồng thời các khoản vay với điều kiện ưu đãi giảm. Phần còn lại là cổ tức phải trả cho các nhà đầu tư nước ngoài tăng nhẹ.

Cán cân chuyển tiền thặng dư 8,7 tỷ USD, tăng 10,1% so với năm 2010. Trong đó, chuyển tiền một chiều ròng của khu vực tư nhân thặng dư 8,3 tỷ USD, tăng 10,0% so với năm 2010. Mặc dù rủi ro từ kinh tế thế giới và trong nước

có chiều hướng gia tăng trong những năm gần đây, nhưng dòng kiều hối về Việt Nam vẫn ổn định và là một trong những nguồn ngoại tệ quan trọng bù đắp cho thâm hụt cán cân vãng lai. Chuyển tiền của khu vực Chính phủ (chủ yếu dưới hình thức viện trợ không hoàn lại) thặng dư 0,36 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2010.

Cán cân vốn và tài chính

Cán cân vốn và tài chính thặng dư 6,4 tỷ USD, tăng 3,1% so với năm 2010; trong đó thặng dư ở hầu hết các hạng mục. Tuy nhiên, cơ cấu cán cân vốn có sự chuyển dịch theo hướng: giải ngân vốn đầu tư FDI giảm do ảnh hưởng của bất ổn vĩ mô trong nước những năm vừa qua, trong khi vay nợ nước ngoài, đặc biệt là vay nợ ngắn hạn, tăng trong bối cảnh chi phí vay vốn nước ngoài thấp hơn trong nước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (ròng) thặng dư 6,5 tỷ USD, giảm 8,7% so với năm 2010; trong đó FDI thực hiện của nước ngoài tại Việt Nam đạt 7,4 tỷ USD, giảm 7,5% so với năm 2010, FDI của Việt Nam ra nước ngoài đạt 0,95 tỷ USD, tăng 5% so với năm 2010. Trong đó:

- FDI của nước ngoài vào Việt Nam: Vốn FDI thực hiện của phía nước ngoài tại Việt Nam năm 2011 đạt 7,43 tỷ USD, giảm 7,1% so với năm 2010, chiếm 67,5% tổng vốn FDI thực hiện tại Việt Nam. Vốn FDI vào Việt Nam tăng thấp so với năm 2010 là do: (i) Diễn biến kinh tế vĩ mô còn nhiều bất ổn, một số ngành sản xuất kinh doanh gặp khó khăn, nhất là bất động sản, khiến một số nhà đầu tư nước ngoài lo ngại; (ii) Nhà đầu tư nước ngoài tăng cường vay vốn trong nước để thực hiện dự án đầu tư.

- FDI của Việt Nam ra nước ngoài: Năm 2011, vốn FDI của Việt Nam ra nước ngoài đạt 950 triệu USD, tăng 5,6% so với năm 2010. Trong đó, đứng đầu là Tập đoàn dầu khí Việt Nam (374 triệu USD); thứ hai là Tập đoàn Viettel (185 triệu USD)... Hoạt động đầu tư ra nước ngoài năm 2010 tiếp tục hướng vào những ngành, lĩnh vực mà doanh nghiệp Việt Nam có thế mạnh và địa bàn ưu tiên thúc đẩy đầu tư ra nước ngoài, như khai thác khoáng sản, trồng cây công nghiệp, dịch vụ viễn thông, hàng không, ngân hàng...



Cán cân vốn và tài chính tiếp tục có mức thặng dư khá cao là 6,4 tỷ USD và thặng dư ở hầu hết các khoản mục

Vay, trả nợ nước ngoài trung và dài hạn thặng dư 3,3 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm 2010 do giải ngân các khoản vay ODA của Chính phủ và vay nợ thương mại của doanh nghiệp đều tăng. Vay, trả nợ nước ngoài trung và dài hạn của Chính phủ: Năm 2011, các khoản vay ODA, vay nợ từ các tổ chức tài chính quốc tế tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn (trên 70%) trong tổng số các khoản vay nợ trung và dài hạn. Trong đó, giải ngân vốn ODA và vay nợ từ các tổ chức tài chính quốc tế đạt 3,89 tỷ USD tăng 16,2% so với năm 2010; trả nợ gốc đạt 2,4 tỷ USD.

Vay, trả nợ nước ngoài trung và dài hạn của doanh nghiệp: Năm 2011, rút vay thương mại của doanh nghiệp có xu hướng tăng so với 2010. Trong đó, rút vốn vay đạt 1,8 tỷ USD (không kể các khoản rút vốn vay của doanh nghiệp FDI), tăng 37,1% so với mức 1,3 tỷ USD năm 2010. Các khoản vay trung, dài hạn của doanh nghiệp tập trung vào các lĩnh vực: điện và điện tử, kinh doanh khách sạn, văn phòng, hàng không, xây dựng,...

Vay, trả nợ nước ngoài ngắn hạn của doanh nghiệp có mức thặng dư cao 1,6 tỷ USD, tăng 54,6% so với năm 2010. Vay trả nợ nước ngoài ngắn hạn là kênh chủ yếu tài trợ nhập khẩu. Trong điều kiện nguồn vốn trong nước thắt chặt và chi phí vay vốn trong nước tăng cao so với thế giới do tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô thắt chặt nhằm kiềm chế lạm phát, các doanh nghiệp nhập khẩu tăng cường tìm nguồn tài trợ nước ngoài. Rút vốn vay nợ nước ngoài ngắn hạn của các doanh nghiệp tăng mạnh đạt 14,6 tỷ USD tăng 73,7% so năm 2010; nghĩa vụ trả nợ vay ngắn hạn cũng tăng 76,4% so với năm 2010, ở mức 12,95 tỷ USD.

Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài đạt mức thặng dư 1,4 tỷ USD, giảm 40,4% so với năm 2010; trong đó đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam giảm mạnh 55,4%, chỉ đạt 1,06 tỷ USD. Tuy nhiên, do năm 2010 Chính phủ phát hành 1 tỷ USD trái phiếu quốc tế, nên loại trừ giá trị trái phiếu Chính phủ phát hành, đầu tư gián tiếp của nước ngoài vào Việt Nam năm 2011 chỉ giảm 11% so với năm 2010. Vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam giảm phần nào cho thấy được xu hướng rút vốn khỏi các thị

trường mới nổi do tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu. Ngoài ra, thị trường chứng khoán trong nước liên tục suy giảm đã làm giảm sức hấp dẫn của chứng khoán trong nước đối với nhà đầu tư nước ngoài. Đối với vốn đầu tư gián tiếp của Việt Nam ra nước ngoài, năm 2011 các TCTD của Việt Nam có xu hướng bán chứng khoán nước ngoài rút tiền về do lo ngại tác động của khủng hoảng nợ công châu Âu, đồng thời để đáp ứng nhu cầu cho vay ngoại tệ trong nước, dẫn đến vốn đầu tư gián tiếp của Việt Nam ra nước ngoài thâm hụt 348 triệu USD.

Đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi: Năm 2011, thị trường tiền tệ, ngoại hối trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, giá vàng giữa thị trường trong nước, quốc tế có nhiều thời điểm chênh lệch khá cao, người dân có xu hướng gia tăng nắm giữ vàng và ngoại tệ, do đó, hạng mục tiền và tiền gửi vẫn có mức thâm hụt lớn, lên tới 6,4 tỷ USD, giảm 9,4% so với mức 7,06 tỷ USD của năm 2010. Trong đó, đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi của hệ thống ngân hàng thặng dư 482 triệu USD, (so với mức thâm hụt 503 triệu USD của năm 2010); tiền và tiền gửi của khu vực khác (chủ yếu dưới dạng nắm giữ vàng, ngoại tệ của khu vực dân cư) thâm hụt 6,88 tỷ USD, tăng 4,9% so với mức 6,56 tỷ USD của năm 2010.

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

Diễn biến tiền tệ

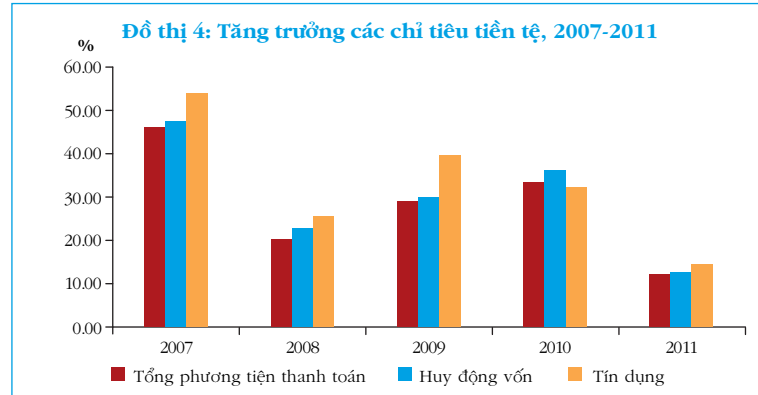
Tổng phương tiện thanh toán tăng thấp so với nhiều năm gần đây

Mức tăng trưởng so với cùng kỳ của Tổng phương tiện thanh toán chậm dần qua các tháng trong năm 2011, từ mức 33,3% cuối năm 2010 xuống chỉ còn 12,1% cuối năm 2011, mức thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó, tiền mặt lưu thông ngoài hệ thống ngân hàng tăng 9,78%, huy động vốn tăng 12,4%. Tổng phương tiện thanh toán tăng thấp là do Tài sản Có trong nước ròng của toàn ngành ngân hàng chỉ tăng 12,0% so với mức 41,7% cuối năm 2010, trong đó Đầu tư cho nền kinh tế chỉ tăng 14,33%. Ngược lại, Tài sản Có nước ngoài ròng của toàn ngành đã tăng 12,6% so với cuối năm 2010, chủ yếu nhờ NHNN mua được ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối, khiến Tài sản Có nước ngoài

“

Các chỉ tiêu tiền tệ tăng thấp so với nhiều năm trở lại đây, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô theo chủ trương chung tại Nghị quyết 11

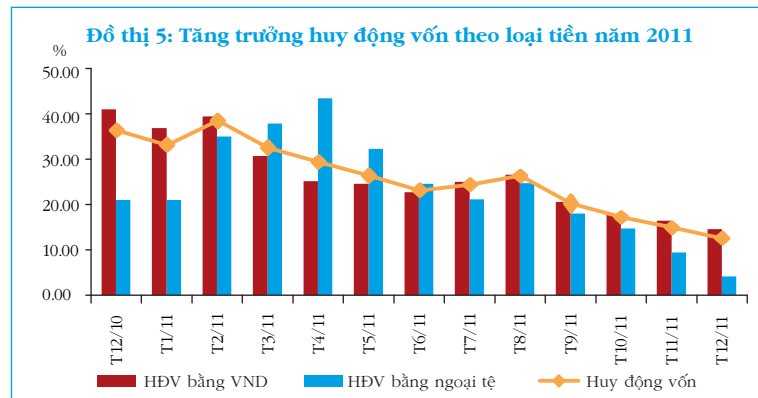
rong của NHNN tăng 20,8%; trong khi đó, khoản mục này của TCTD giảm 30,7% trong điều kiện Tài sản Có nước ngoài tăng thấp hơn so với Tài sản Nợ nước ngoài.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Huy động vốn có cùng xu hướng với diễn biến của Tổng phương tiện thanh toán

Diễn biến huy động vốn của toàn hệ thống TCTD phù hợp với diễn biến của Tổng phương tiện thanh toán, theo đó mức tăng trưởng so với cùng kỳ của các tháng liên tục giảm trong điều kiện NHNN điều hành chặt chẽ chính sách tiền tệ theo chủ trương chung của Chính phủ, đồng thời thực hiện quyết liệt các biện pháp nhằm giảm đô la hóa.



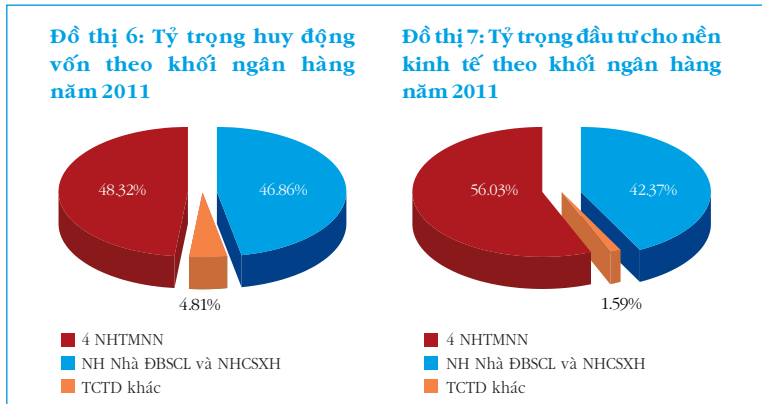
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến cuối tháng 12/2011, tổng huy động vốn từ nền kinh tế của hệ thống ngân hàng tăng 12,4% so với cuối năm trước, thấp hơn mức tăng 36,2% của năm 2010 và so với mức tăng bình quân 29,5%/năm của giai đoạn 10 năm qua.

Cơ cấu đồng tiền năm 2011 diễn biến theo hướng giảm dần mức độ đô la hóa: Tốc độ tăng so với cùng kỳ của cả huy động vốn bằng VND và ngoại tệ chậm dần qua các tháng trong đó từ tháng 8/2011 huy động vốn bằng ngoại

tệ tăng chậm hơn hẳn so với huy động vốn bằng VND. Đến cuối năm 2011, huy động vốn VND tăng 14,6% so với cuối năm 2010; huy động vốn ngoại tệ chỉ tăng 4,1% - là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2004. Tốc độ tăng của huy động vốn ngoại tệ đã chậm lại rõ rệt từ sau tháng 4/2011 là thời điểm áp dụng chính sách trần lãi suất huy động vốn bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại TCTD, số dư huy động cuối năm giảm 11,6% so với thời điểm tháng 4. Huy động vốn ngoại tệ tăng thấp góp phần giảm bớt tình trạng đô la hóa. Tỷ trọng vốn huy động ngoại tệ trong tổng huy động vốn từ mức 21,1% cuối năm 2010 đã đạt đỉnh 24,6% vào tháng 4/2011 nhưng sau đó giảm nhanh xuống mức 19,5% vào tháng 12/2011 - thấp nhất từ trước đến nay. Đối với huy động vốn bằng VND, tốc độ tăng huy động vốn toàn hệ thống cũng ngày càng chậm lại trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế suy giảm, sản xuất kinh doanh khó khăn và NHNN điều hành chặt chẽ chính sách tiền tệ, theo đó giảm lượng tiền cung ứng ra nền kinh tế.

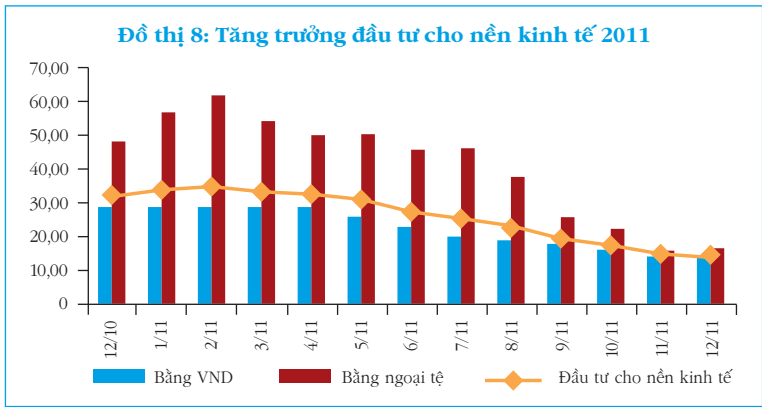
Thị phần huy động vốn diễn biến theo hướng tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM nhà nước giảm, tăng thị phần của nhóm TCTD khác (gồm NHTM cổ phần, TCTD phi ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân, NHTM 100% vốn nước ngoài, NHTM liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài). Huy động vốn của nhóm 4 NHTMNN chỉ tăng 8,63% so với tháng 12/2010; trong đó, huy động vốn VND tăng 10,84%, huy động vốn ngoại tệ giảm 2,75%. Huy động vốn của Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội tăng 19,44%; trong đó, huy động vốn VND tăng 19,90%, huy động vốn ngoại tệ giảm 8,20%. Nhóm các TCTD khác có tốc độ huy động vốn tăng 15,21%; trong đó, huy động vốn VND tăng 17,78%, huy động vốn ngoại tệ tăng 7,66%. Đến cuối năm 2011, nhóm NHTM nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội có thị phần huy động vốn chiếm 43,92%, giảm so với mức 45,29% của năm 2010; nhóm TCTD khác chiếm 56,08%, tăng cao so với mức 54,71% cuối năm 2010.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tăng trưởng đầu tư cho nền kinh tế thấp nhất từ trước đến nay, trong đó mức tăng của đầu tư VND và đầu tư ngoại tệ đều giảm mạnh so với năm 2010

Tăng trưởng đầu tư cho nền kinh tế so với cùng kỳ cũng ngày càng chậm lại dưới tác động của chính sách kinh tế vĩ mô thắt chặt, trong đó mức tăng theo tháng đạt thấp nhất từ trước đến nay. Tổng đầu tư cho nền kinh tế tính đến cuối tháng 12/2011 chỉ tăng 14,33% so với cuối năm 2010 (bình quân tháng tăng 1,2%), giảm mạnh so với mức tăng 32,4% của năm 2010 và cũng là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tiếp theo xu hướng của năm 2010, đầu tư ngoại tệ tiếp tục tăng nhanh hơn đầu tư VND trong năm 2011 trong điều kiện lãi suất cho vay ngoại tệ thấp hơn khá nhiều so với lãi suất cho vay VND. Mức tăng bình quân theo tháng của dư nợ đầu tư VND là 1,03%/tháng so với mức 1,4%/tháng của đầu tư ngoại tệ. Đỉnh điểm là tháng 2/2011, trong khi đầu tư VND tăng 27,1% so với cùng kỳ 2010 thì đầu tư ngoại tệ đã tăng 62%. Trong 7 tháng đầu năm, dư nợ

đầu tư ngoại tệ liên tục tăng mạnh với mức tăng trưởng bình quân 3,3%/tháng, gây lo ngại về rủi ro tỷ giá đối với nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, từ tháng 8/2011, dư nợ đầu tư ngoại tệ liên tục giảm mạnh sau một loạt các biện pháp ổn định thị trường ngoại hối, giảm thiểu rủi ro tỷ giá như chính sách hạn chế cho vay ngoại tệ theo Thông tư 07/2011/TT-NHNN ngày 24/3/2011 của NHNN, áp dụng trần lãi suất huy động vốn bằng USD ở mức thấp nhằm hạn chế nguồn tiền gửi USD qua đó hạn chế khả năng cho vay ngoại tệ, thực hiện chủ trương của Chính phủ về chuyển dần từ quan hệ huy động cho vay ngoại tệ sang mua bán ngoại tệ. Nhờ đó, cuối năm 2011, tăng trưởng dư nợ đầu tư ngoại tệ là 16,8%, giảm mạnh so với mức tăng 48,4% cuối năm 2010. Đối với đầu tư VND, dư nợ tăng khá đều đặn qua các tháng nhưng với tốc độ chậm hơn nhiều so với các năm trước dưới tác động của chính sách kinh tế vĩ mô thắt chặt theo tinh thần Nghị quyết 11 (ngoại trừ tháng 12/2011 tăng đột biến). Tại thời điểm cuối năm, dư nợ đầu tư VND tăng 13,7%, giảm so với mức tăng 29,0% của năm 2010 và cũng là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua.

Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế theo đồng tiền đến cuối năm 2011 cũng đã có chuyển biến tích cực phù hợp với chủ trương giảm dần tình trạng đô la hóa: Tỷ trọng dư nợ đầu tư ngoại tệ trên tổng dư nợ tăng lên mức 22% vào tháng 7/2011 từ mức 19% tại tháng 1/2011, nhưng sau đó cũng đã giảm nhanh xuống 20,0% vào cuối năm 2011.

Đầu tư cho nền kinh tế tăng trưởng chậm lại ở tất cả các nhóm TCTD, kể cả nhóm NHTM cổ phần. Tốc độ tăng trưởng đầu tư cho nền kinh tế trong năm 2011 của nhóm NHTMNN là 14,75%; nhóm các TCTD khác (bao gồm NHTMCP và ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) có mức tăng đầu tư 14,17%.

Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế giữa khối NHTM nhà nước và TCTD khác không thay đổi đáng kể so với năm 2010: Đến cuối năm 2011, dư nợ đầu tư cho nền kinh tế của các NHTMNN chiếm 44,88% tổng dư nợ đầu tư cho nền kinh tế của toàn hệ thống; dư nợ đầu tư cho nền kinh tế

của Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu long và Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 4,53%. Dư nợ đầu tư cho nền kinh tế của nhóm các TCTD khác (bao gồm các ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng nước ngoài và ngân hàng 100% vốn nước ngoài, các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) chiếm 50,59% tổng dư nợ đầu tư cho nền kinh tế của toàn hệ thống.

Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế theo các ngành kinh tế: So với tổng dư nợ đầu tư cho nền kinh tế của toàn hệ thống ngân hàng, tỷ trọng đầu tư phát triển nông thôn (gồm nông, lâm nghiệp và thủy sản) chiếm 8,8%, tỷ trọng đầu tư cho ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 30,89%.

Diễn biến lãi suất

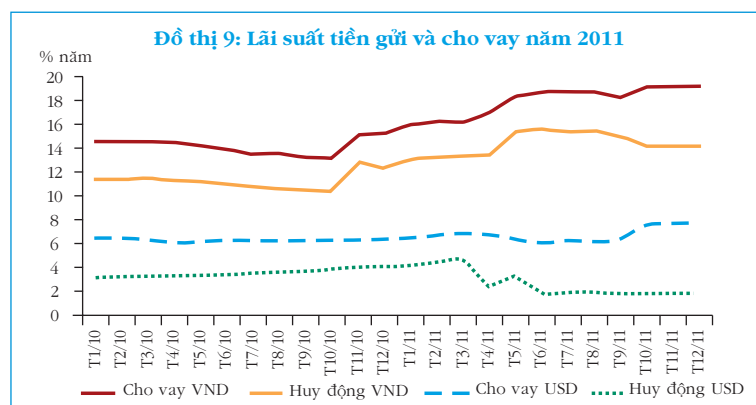
Lãi suất đồng Việt Nam

“

Lãi suất VND chịu áp lực tăng mạnh trong nửa đầu năm và xu hướng giảm dần vào nửa cuối năm; lãi suất USD không biến động nhiều

Phù hợp với xu hướng điều hành chặt chẽ về tiền tệ của NHNN, giảm lượng cung tiền, tăng lãi suất điều hành, lãi suất VND trên thị trường cũng chịu áp lực gia tăng, trong đó áp lực tăng mạnh trong nửa đầu năm và dịu lại trong nửa cuối năm.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, cả lãi suất huy động và cho vay VND đều tăng cao: Cuối tháng 6/2011, lãi suất huy động VND bình quân ở mức 15,6%/năm so với mức 12,44%/năm thời điểm cuối năm 2010, cao hơn trần lãi suất 14%/năm do một số các TCTD khó khăn về thanh khoản "lách" quy định trần lãi suất của NHNN. Lãi suất cho vay VND cũng liên tục tăng tương ứng do chi phí huy động tăng và cung vốn thắt chặt, bình quân cuối tháng 6/2011 là 18,65%/năm so với mức 15,27%/năm cuối năm 2010.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Trong 6 tháng cuối năm, áp lực tăng lãi suất đã dịu bớt nhờ kinh tế vĩ mô dần đi vào ổn định (lạm phát theo tháng giảm dần, nhập siêu giảm, tỷ giá và thị trường ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối tăng), cùng với các giải pháp khơi thông vốn giữa thị trường 1 và thị trường 2 và thanh tra giám sát của NHNN. Từ tháng 9, hầu hết các NHTM thực hiện nghiêm túc trần lãi suất huy động của NHNN (14%/năm đối với các kỳ hạn từ 1 tháng trở lên; 6%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và dưới 1 tháng); đến thời điểm cuối năm lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh phổ biến ở mức 17-20%/năm, thấp nhất là 15%/năm.

Lãi suất đồng Đô-la Mỹ

Lãi suất USD không biến động nhiều, trong đó lãi suất huy động USD có xu hướng giảm dần, lãi suất cho vay USD tăng nhẹ trong 3 tháng cuối năm.

Lãi suất huy động USD giảm dần về bằng hoặc dưới mức trần quy định của NHNN: Cùng với mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô, NHNN cũng triển khai các chính sách nhằm ổn định thị trường ngoại hối, giảm dần tình trạng đô la hóa của nền kinh tế một cách quyết liệt như áp dụng trần lãi suất huy động bằng USD, thu hẹp đối tượng được phép vay ngoại tệ, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử phạt trên thị trường ngoại hối.... Nhờ đó, lãi suất huy động USD có xu hướng giảm dần, 3 tháng đầu năm phổ biến ở mức khoảng 4-5%/năm đối với tiền gửi dân cư, 1%/năm đối với tiền gửi của tổ chức kinh tế; từ giữa tháng 4/2011 đến cuối năm giảm xuống mức trần quy định của NHNN, lãi suất huy động USD ở mức dưới 2%/năm đối với tiền gửi của dân cư, 0,5%/năm đối với tiền gửi tổ chức kinh tế.

Lãi suất cho vay USD tăng trong 3 tháng cuối năm: Lãi suất cho vay USD tương đối ổn định trong hơn 9 tháng đầu năm ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn, 7-8%/năm đối với trung, dài hạn. Tuy nhiên, từ cuối tháng 9, lãi suất cho vay có xu hướng tăng nhẹ khoảng 1-1,5%/năm và phổ biến ở mức 6-7,5%/năm đối với ngắn hạn và 7,5-9%/năm đối với trung, dài hạn. Nguyên nhân chủ yếu do cầu tín dụng USD có chiều hướng tăng và việc NHNN điều chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ

bắt buộc bằng ngoại tệ, tăng hệ số rủi ro đối với một số tài sản có bằng ngoại tệ khi tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cũng làm tăng chi phí huy động vốn ngoại tệ của TCTD, dẫn đến việc tăng lãi suất cho vay USD.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô giao dịch mở rộng

Năm 2011, tổng doanh số cho vay, gửi tiền giữa các TCTD trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 6.896 nghìn tỷ đồng, tăng 1.860 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 37% so với năm 2010. Tổng doanh số giao dịch liên ngân hàng bằng USD đạt 156.015 triệu USD, tăng 41.979 triệu USD, tương đương tăng 36,8% so với năm 2010.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2011 tập trung chủ yếu vào các kỳ hạn dưới 1 tháng, đặc biệt là kỳ hạn qua đêm. Doanh số giao dịch qua đêm cả năm đạt 2.756 nghìn tỷ đồng và 89.260 triệu USD.

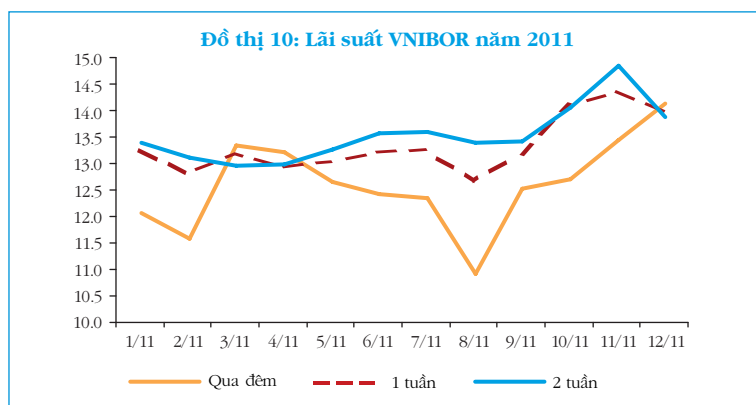
Trong năm 2011, thanh khoản của toàn hệ thống các TCTD được đảm bảo, tuy có xáo trộn ở một số NHTM cổ phần gặp khó khăn tạm thời về thanh khoản, gây biến động trên thị trường liên ngân hàng. NHNN đã thực hiện các biện pháp để ổn định thị trường liên ngân hàng, giám sát chặt chẽ các NHTM gặp khó khăn về thanh khoản và hỗ trợ kịp thời qua cho vay tái cấp vốn và nghiệp vụ thị trường mở.

Lãi suất liên ngân hàng tăng và biến động

Lãi suất liên ngân hàng biến động và tăng tương đối so với năm 2010. Mức dao động khá lớn diễn ra trong 4 tháng đầu năm khi lãi suất liên ngân hàng liên tục tăng so với cuối năm 2010. Lãi suất bình quân liên ngân hàng qua đêm tăng từ mức 11,1%/năm của tháng 12/2010 lên mức 13,18%/năm vào tháng 4/2011, kỳ hạn 1 tuần tăng từ mức 12,82% lên mức 13,02% tháng 5/2011, đối với các kỳ hạn khác lãi suất tương đối ổn định so với cuối năm 2010. Thời điểm này, lãi suất bình quân liên ngân hàng chịu tác động bởi việc điều chỉnh tăng các mức lãi suất điều hành và NHNN điều hành chặt chẽ lượng cung tiền tệ.

“

Trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, quy mô giao dịch mở rộng; lãi suất liên ngân hàng tăng và biến động khá mạnh



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Từ tháng 5/2011 cho đến hết tháng 8/2011, thị trường liên ngân hàng ổn định, lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm so với bốn tháng đầu năm do thanh khoản trên thị trường dồi dào hơn trong bối cảnh thị trường ngoại hối dần ổn định trở lại sau những diễn biến tích cực của kinh tế vĩ mô. Lãi suất bình quân qua đêm giảm từ 12,63%/năm vào tháng 05/2011 xuống còn 10,90%/năm vào tháng 08/2011. Lãi suất các kỳ hạn khác tương đối ổn định, xoay quanh mức trên dưới 13%/năm.

Tuy nhiên, từ tháng 8/2011 thị trường có xáo trộn do một số các TCTD nhỏ trong hệ thống gặp khó khăn tạm thời về thanh khoản, gây biến động trên thị trường liên ngân hàng. Lãi suất liên ngân hàng mặc dù không tăng cao như 4 tháng đầu năm nhưng cũng tăng lên mức 12,49%/năm vào tháng 9/2011 và 14,11%/năm vào tháng 12/2011 đối với lãi suất qua đêm. Tại thời điểm cuối tháng 12/2011, lãi suất kỳ hạn dưới 1 tháng tăng khoảng 0,5% - 1,3%/năm so với tháng 8/2011; riêng lãi suất bình quân kỳ hạn 12 tháng tăng mạnh ở mức 17,6%/năm.

Lãi suất giao dịch bằng USD có cùng xu hướng với lãi suất giao dịch bằng VND, nhìn chung tăng tương đối so với 2010. Lãi suất USD bình quân qua đêm dao động tăng từ 0,5%/năm tháng 12/2010 lên 0,99%/năm tháng 12/2011, kỳ hạn 1 tháng tăng từ 1,05%/năm lên 2,46%/năm, kỳ hạn 12 tháng tăng từ mức 2,34%/năm lên mức 3,32%/năm.

Diễn biến thị trường ngoại hối

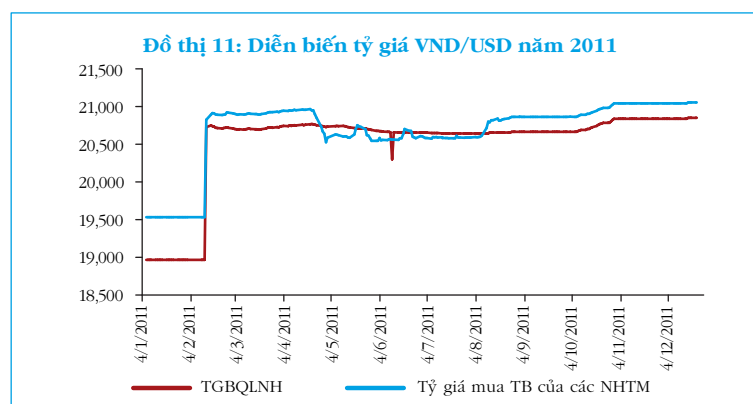
Thị trường ngoại hối diễn biến ổn định rõ rệt so với năm trước, cung cầu tương đối cân bằng. Tính chung cả năm, tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng tăng



Thị trường ngoại hối cải thiện rõ rệt sau khi biến động mạnh trong những năm trước

10,01%; tỷ giá trung bình của các NHTM tăng 7,88%; tỷ giá thị trường tự do tăng 1,19%, tương ứng với các mức 5,52%; 5,55% và 8,32% của năm 2010.

Xét xu hướng trong năm, thị trường chuyển từ căng thẳng trong quý I sang ổn định đến hết tháng 7 nhờ việc thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành về tiền tệ và ngoại hối của NHNN. Tỷ giá giao dịch thực tế trên thị trường liên ngân hàng đã giảm dần và về dưới mức tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ giữa tháng 4/2011. Thị trường ngoại tệ tự do tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, NHNN mua ngoại tệ từ các NHTM để thực hiện mục tiêu tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Từ giữa tháng 8, do ảnh hưởng tâm lý từ diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế và giá vàng thế giới, thị trường ngoại hối và tỷ giá có xáo trộn và biến động tăng. Tuy nhiên, từ tháng 10 cho đến hết năm, sau các động thái của NHNN về điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng, can thiệp trên thị trường ngoại hối và thông báo điều hành tỷ giá diễn biến không quá 1% cho đến cuối năm nhằm ổn định tâm lý người dân, tỷ giá và thị trường ngoại hối dần bình ổn trở lại. Thị trường ngoại tệ tự do tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp, hợp lý của doanh nghiệp và người dân được đáp ứng đầy đủ, doanh nghiệp và người dân đã tăng cường bán ngoại tệ cho các NHTM, NHNN đã mua được một lượng ngoại tệ đáng kể để bổ sung cho dự trữ ngoại hối Nhà nước. Đặc biệt, có xu hướng người dân chuyển dịch từ gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ sang gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam, khắc phục từng bước tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Các nhân tố chính mang lại sự khả quan cho thị trường ngoại hối trong năm qua thể hiện ở các điểm chính: cán cân thanh toán cải thiện và thặng dư; các biện pháp quyết liệt và phù hợp trong việc chấn chỉnh thị trường ngoại hối đã giúp thị trường tự do đi vào nền nếp, giảm khả năng gây sốt cả trên thị trường ngoại tệ và vàng; tỷ giá chính thức được điều hành linh hoạt, phản ánh đúng cung cầu thị trường đã khiến thanh khoản thị trường diễn biến tích cực.

Diễn biến giá vàng

Thị trường vàng trong nước năm 2011 diễn biến tương đối phức tạp, so với thời điểm đầu năm giá vàng trong nước tăng khoảng 15,9% chủ yếu do ảnh hưởng từ biến động bất thường của giá vàng thế giới và hoạt động đầu cơ gia tăng, đẩy giá vàng trong nước tăng cao.

Trong 9 tháng đầu năm, giá vàng trong nước biến động tăng mạnh, đạt mức đỉnh điểm 48,45 triệu đồng/lượng vào tháng 8/2011 khi giá vàng thế giới chạm mốc kỷ lục 1.920USD/oz. Chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới ở mức cao do giá thế giới biến động nhanh và mạnh, sức mua trên thị trường trong nước lớn trong khi nguồn cung hạn chế. Tuy nhiên, từ giữa tháng 9 và trong cả quý 4/2011, giá vàng trong nước có xu hướng giảm và bám khá sát biến động của giá vàng thế giới. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng từ xu hướng giảm của giá vàng thế giới và các giải pháp kịp thời của NHNN để việc bình ổn thị trường vàng.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2011 sụt giảm với mức tăng trưởng âm về giá chứng khoán và giá trị giao dịch khiến quy mô thị trường bị thu hẹp. So với cuối năm 2010, chỉ số VN-Index giảm 27,5% xuống còn 351,55 điểm, HNX-Index giảm 48,58% xuống còn 58,74 điểm. Giá trị giao dịch bình quân đạt khoảng 1.030,5 tỷ đồng/phiên, giảm 59% so với mức 2.509,4 tỷ đồng/phiên của năm 2010. Giá trị cổ phiếu niêm yết tăng khoảng 13,03%, mức vốn hóa thị trường ở mức tương đương 20% GDP trong khi năm 2010 các mức tương ứng là 37% và 33% GDP. Tuy nhiên, trên thị



Giá vàng thế giới biến động mạnh, tác động làm thị trường vàng trong nước diễn biến phức tạp, giá vàng trong nước tăng cao



Thị trường chứng khoán sụt giảm

trường sơ cấp, đấu thầu trái phiếu Chính phủ diễn ra khá sôi động trong nửa cuối năm, nhà đầu tư chủ yếu là các ngân hàng thương mại. Sự sụt giảm của thị trường chứng khoán chủ yếu do tác động bất lợi từ chiều hướng giảm của thị trường chứng khoán thế giới, đồng thời dòng vốn vào thị trường chứng khoán bị ảnh hưởng từ chính sách vĩ mô thắt chặt.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

“

Hệ thống các TCTD nhìn chung ổn định; năng lực tài chính và hoạt động quản trị có sự cải thiện, các tỷ lệ đảm bảo an toàn diễn biến tích cực, rủi ro tín dụng tuy gia tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

Số lượng các TCTD trong năm 2011 không biến động đáng kể so với năm 2010 nhưng hoạt động quản trị điều hành, các chỉ tiêu về đảm bảo an toàn và năng lực tài chính có sự cải thiện so với năm 2010. Tuy nhiên, môi trường kinh tế vĩ mô biến động trong điều kiện thị trường tài chính của Việt Nam vẫn đang trong quá trình phát triển làm gia tăng rủi ro, thách thức cho hoạt động của các TCTD trong năm 2011.

Hoạt động quản trị điều hành, năng lực tài chính của các TCTD tiếp tục cải thiện

Tính đến cuối năm 2011, hệ thống ngân hàng có 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 37 ngân hàng thương mại cổ phần; 1 ngân hàng chính sách, 1 ngân hàng phát triển; 50 chi nhánh ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả chi nhánh phụ); 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 4 ngân hàng liên doanh; 50 văn phòng đại diện; 18 công ty tài chính; 12 công ty cho thuê tài chính; 1 quỹ tín dụng nhân dân trung ương và hơn 1000 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Mạng lưới các TCTD không những bao phủ thị trường nội địa mà còn có những bước tiến lớn trong việc phát triển mạng lưới sang một số thị trường quốc tế. Năng lực tài chính của hệ thống TCTD tiếp tục được tăng cường, quy mô hoạt động mở rộng, các chỉ tiêu đảm bảo an toàn và năng lực tài chính đảm bảo.

Những năm gần đây, quản trị điều hành của các TCTD được chuyển đổi sang mô hình quản trị tập trung về trụ sở chính, phù hợp với quy mô và xu hướng phát triển. Mô hình tổ chức và hoạt động đang được đổi mới, áp dụng theo thông lệ quốc tế gồm các cấu phần quản trị ngân hàng hiện đại: quản trị rủi ro, quản lý tài sản có - tài sản nợ,



kiểm toán nội bộ, chiến lược kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý, dịch vụ công nghệ... nhằm tăng cường năng lực quản trị điều hành.

Biểu 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam (đến 31/12/2011)

STT	Loại hình	2010	2011
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước	05	05
2	Ngân hàng Chính sách	01	01
3	Ngân hàng Phát triển	01	01
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	37	35
5	Ngân hàng liên doanh	05	04
6	Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	48	50
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	05	05
8	Công ty tài chính	17	18
9	Công ty cho thuê tài chính	13	12
10	Quỹ Tín dụng nhân dân Trung ương	01	01
11	Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở	1057	1095
12	Tổ chức tài chính quy mô nhỏ	01	01
13	Văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài	48	50

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng diễn biến tích cực

Năm 2011 các chỉ tiêu về tỷ lệ đảm bảo an toàn có diễn biến tích cực so với năm 2010. Trong đó, vốn tự có tăng trưởng khá đã khiến tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu toàn hệ thống TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (không bao gồm công ty con của TCTD) tương đối ổn định so với cuối năm trước. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung, dài hạn của toàn hệ thống giảm. Về thực hiện các tỷ lệ khả năng chi trả, hầu hết các TCTD chấp hành tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định.

Rủi ro hoạt động hệ thống ngân hàng tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

Rủi ro tín dụng: Nợ xấu có xu hướng gia tăng so với năm trước nhưng vẫn trong tầm kiểm soát của NHNN. Nhân tố tác động chủ yếu đến tỷ lệ nợ xấu do lãi suất cho vay ở mức cao, các doanh nghiệp hoạt động khó khăn trong điều kiện Chính phủ thực hiện điều hành chính sách vĩ mô chặt chẽ để kiểm soát lạm phát. Tính đến cuối năm 2011, nợ xấu đạt mức 2,86%, tăng so với mức 2,04% của năm 2010.

Rủi ro thanh khoản: Trong năm 2011, tình hình thanh khoản của các TCTD có xáo trộn tại một vài thời điểm nhưng về cơ bản đã được xử lý kịp thời. Tài sản có tính

thanh khoản nhanh bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, giấy tờ có giá dễ chuyển đổi thành tiền có xu hướng tăng trong các tháng cuối năm. Cân đối huy động vốn và cho vay, xét trên toàn hệ thống đảm bảo.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước

Năm 2011, các hoạt động điều hành của NHNN đều hướng tới thực hiện mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô theo tinh thần Nghị quyết 11 của Chính phủ. Trong đó các nội dung trọng tâm tập trung vào: điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng nhằm kiểm soát tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng theo mục tiêu đề ra; điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối phù hợp với cung cầu ngoại tệ, tăng tính thanh khoản cho thị trường và cải thiện cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối; công tác thanh tra giám sát đột xuất chú trọng vào các lĩnh vực tín dụng, lãi suất, tỷ giá, kinh doanh vàng, giám sát chặt chẽ các ngân hàng yếu kém; tăng cường hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và thúc đẩy hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt; đảm bảo công tác an toàn kho quỹ; hoạt động thông tin tín dụng góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng; hệ thống thể chế về tiền tệ và pháp luật ngân hàng tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Điều chỉnh tăng dần các mức lãi suất chính sách

Trong năm 2011, NHNN điều chỉnh linh hoạt các mức lãi suất điều hành, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ. Từ tháng 2 đến tháng 4, NHNN điều chỉnh tăng dần các mức lãi suất điều hành, cụ thể: Lãi suất tái cấp vốn, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng từ 9-12-13-14%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 7-12-13%/năm. Tiếp đó, trong tháng 10, NHNN điều chỉnh tăng lãi suất tái cấp vốn từ 14%/năm lên 15%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng từ 14%/năm lên 16%/năm. Đồng thời điều chỉnh giảm lãi suất tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ từ 0,1%/năm xuống 0,05%/năm, tương đương với mức lãi suất mà NHNN sử dụng tiền gửi của TCTD để gửi tại Fed, nhằm góp phần giảm chi phí trả lãi cho NHNN, phù hợp với chủ trương hạn chế găm giữ ngoại tệ trên tài khoản và tác động chuyển dần quan hệ huy động - cho vay sang quan hệ mua - bán bằng ngoại tệ.

Bên cạnh đó, NHNN ban hành các văn bản quy định về lãi suất tiền gửi của TCTD đối với khách hàng, bao gồm:

“

Điều hành của NHNN được thực hiện nhất quán với tinh thần Nghị quyết 11 của Chính phủ nhằm đạt được mục tiêu chung là kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô

“

Chính sách tiền tệ được điều hành chặt chẽ, thận trọng nhằm kiểm soát tốc độ tăng tín dụng dưới 20% và tổng phương tiện thanh toán khoảng 15%-16%, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô

Thông tư số 02/2011/TT-NHNN ngày 03/03/2011 và Thông tư số 30/2011/TT-NHNN ngày 28/9/2011 quy định lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD; Thông tư số 04/2011/TT-NHNN ngày 10/03/2011 quy định lãi suất áp dụng trong trường hợp tổ chức, cá nhân rút tiền gửi trước hạn tại TCTD; Thông tư số 09/2011/TT-NHNN ngày 9/4/2011 và Thông tư số 14/2011/TT-NHNN ngày 01/6/2011 quy định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng USD của tổ chức, cá nhân tại TCTD.

Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở phù hợp với cung cầu vốn trên thị trường

Năm 2011, nghiệp vụ thị trường mở được điều hành linh hoạt, bám sát diễn biến cung cầu vốn trên thị trường, với mục tiêu hỗ trợ vốn thanh khoản VND ngắn hạn cho các TCTD, góp phần ổn định lãi suất thị trường và ổn định tỷ giá. Theo đó, hàng ngày, NHNN thực hiện giao dịch chào mua GTCG với kỳ hạn ngắn (7, 14 ngày); phương thức đấu thầu khối lượng; lãi suất điều chỉnh phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ của NHNN.

Trong hơn 9 tháng đầu năm 2011, với mục tiêu kiểm soát tiền tệ chặt chẽ, nhằm kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán theo mục tiêu đề ra, góp phần kiểm soát lạm phát, nhưng đảm bảo ổn định thanh khoản cho các TCTD, nghiệp vụ thị trường mở của NHNN thực hiện chào mua GTCG chủ yếu với kỳ hạn 7 ngày đồng thời lãi suất được điều chỉnh tăng từ 10%/năm lên 15%/năm; khối lượng chào mua bình quân khoảng 8.400 tỷ đồng/phiên, khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 8.000 tỷ đồng/phiên.

Từ nửa cuối tháng 9, trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán cả năm được kiểm soát theo mục tiêu đặt ra từ đầu năm, lạm phát có dấu hiệu tăng chậm lại, để đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ và góp phần hỗ trợ ổn định tỷ giá, nghiệp vụ thị trường mở của NHNN thực hiện chào mua với kỳ hạn 7 và 14 ngày, lãi suất 14%/năm, khối lượng chào mua bình quân khoảng 3.400 tỷ đồng/phiên, khối lượng trúng thầu bình quân khoảng 3.100 tỷ đồng/phiên.

Cùng với việc điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ khác, nghiệp vụ thị trường mở đã góp phần ổn

định thị trường tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh toán cho hệ thống các TCTD và góp phần ổn định tỷ giá; lãi suất thị trường liên ngân hàng có xu hướng xoay quanh lãi suất nghiệp vụ thị trường mở.

Linh hoạt sử dụng công cụ tái cấp vốn để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD

Tái cấp vốn là công cụ chính sách tiền tệ được NHNN sử dụng tương đối linh hoạt trong năm 2011 để hỗ trợ vốn ngắn hạn cho các TCTD, nhằm đảm bảo ổn định thanh khoản hệ thống đồng thời bổ sung vốn cho vay các ngành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Các khoản tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản có thời hạn từ 1-3 tháng, tập trung trong khoảng 1 tháng trước Tết Nguyên đán, góp phần giúp các TCTD ổn định thanh khoản, đảm bảo an toàn hệ thống trong điều kiện nhu cầu thanh toán của nền kinh tế tăng cao.

Điều chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ, giữ ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND

Năm 2011, NHNN giữ nguyên tỷ lệ dự bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND nhằm ổn định thị trường tiền tệ, hạn chế lãi suất tăng trong điều kiện nguồn vốn bằng VND của hệ thống ngân hàng chưa dồi dào, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng là 3%, đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 1%. Đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, để kiểm soát tăng trưởng tín dụng ngoại tệ trong điều kiện nguồn tiền gửi và vay nước ngoài của hệ thống tổ chức tín dụng gia tăng, NHNN đã thực hiện các biện pháp: điều chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc 3 lần từ 4% lên 8% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tăng từ 2% lên 6% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên; quy định tiền gửi của TCTD tại nước ngoài thuộc diện phải tính dự trữ bắt buộc tại Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của NHNN.

Kiểm soát tín dụng chặt chẽ, chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tập trung vốn cho các ngành sản xuất, hạn chế tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro

Bằng các biện pháp mạnh và đồng bộ trong việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ, NHNN thực hiện kiểm soát quy mô, chất lượng tín dụng và đảm bảo an toàn hệ

thống. Các giải pháp tập trung chủ yếu: Yêu cầu các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, đồng thời điều chỉnh cơ cấu và nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vốn tín dụng cho sản xuất - kinh doanh, giảm tốc độ và tỷ trọng dư nợ cho vay đối với lĩnh vực phi sản xuất so với tổng dư nợ cho vay đến ngày 30/6/2011 là 22% và đến 31/12/2011 là 16%; Thực hiện các biện pháp điều hành nhằm kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng ngoại tệ thông qua tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc và mở rộng diện tiền gửi phải dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ, nâng hệ số rủi ro của một số tài sản có ngoại tệ từ 20% lên 50%, thu hẹp đối tượng cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay là người cư trú và điều chỉnh giảm mức trần lãi suất huy động vốn tối đa bằng USD của tổ chức kinh tế, cá nhân tại tổ chức tín dụng; Thanh tra, kiểm tra một số TCTD có tăng trưởng tín dụng ngoại tệ cao.

2. Quản lý ngoại hối

Điều chỉnh tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng và giảm biên độ giao dịch, can thiệp linh hoạt trên thị trường ngoại hối

Trong những tháng đầu năm, để bình ổn thị trường ngoại hối có dấu hiệu căng thẳng, NHNN điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng 9,3% và giảm biên độ giao dịch từ +/- 3% xuống +/- 1% trong tháng 2. Việc điều chỉnh tỷ giá được triển khai đồng bộ với các biện pháp khác về quy định mức lãi suất huy động vốn tối đa bằng đôla Mỹ của cá nhân tại TCTD là dưới 3%/năm, của tổ chức (trừ TCTD) không quá 1%/năm trong tháng 4; tiếp đó, trong tháng 6, điều chỉnh giảm các mức này xuống 2%/năm đối với cá nhân tại TCTD và của tổ chức (trừ TCTD) không quá 0,5%/năm nhằm hướng tới mục tiêu giảm đôla hóa nền kinh tế, chuyển dần quan hệ huy động - cho vay sang quan hệ mua- bán; quy định cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay là người cư trú theo hướng thu hẹp đối tượng được vay ngoại tệ trong nước; điều chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ đối với các TCTD trong tháng 4; kết hợp các giải pháp nhằm bảo đảm ngoại tệ để nhập khẩu xăng dầu. Nhờ thực hiện các giải pháp trên cùng với việc điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thị trường ngoại tệ từ cuối tháng 2 đến giữa tháng



Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối phù hợp với cung cầu ngoại tệ, tăng thanh khoản thị trường, cải thiện cán cân thanh toán và dự trữ ngoại hối

8 nhìn chung tương đối ổn định.

Tuy nhiên, từ giữa tháng 8 thị trường ngoại hối và tỷ giá có biểu hiện xáo trộn trở lại. Để ổn định tâm lý, khôi phục sự bình ổn cho thị trường vàng và thị trường ngoại hối, NHNN đã thực hiện đồng bộ các giải pháp: Điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng linh hoạt theo cả hai chiều căn cứ cung cầu ngoại tệ trên thị trường; Tiếp tục chỉ đạo các NHTM tích cực bán ngoại tệ, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế; Thống đốc NHNN thông báo điều hành tỷ giá diễn biến không quá 1% cho đến cuối năm nhằm ổn định tâm lý người dân cũng như doanh nghiệp và NHNN đã thực hiện đúng cam kết; Phối hợp các Bộ, Ngành chấn chỉnh hoạt động của thị trường tự do, thực hiện các biện pháp nhằm ổn định thị trường ngoại hối. Sau khi NHNN thực hiện các biện pháp can thiệp, bình ổn thị trường, thị trường ngoại hối đã có những chuyển biến tích cực và xu hướng ổn định từ tháng 10 đến hết năm.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước để đảm bảo an toàn, thanh khoản và sinh lời

Công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước (DTNHNN) năm 2011 tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời, quy mô DTNHNN được cải thiện. Vào thời điểm thị trường ngoại hối mất cân đối cung cầu ngoại tệ, DTNHNN đã được sử dụng linh hoạt để bình ổn thị trường ngoại hối, ổn định tỷ giá và kinh tế vĩ mô. Ngay từ đầu năm, NHNN đã chủ động sử dụng nhiều biện pháp để điều hành tỷ giá linh hoạt và ổn định thị trường ngoại hối, nhờ vậy, thị trường ngoại hối chuyển từ trạng thái dư cầu trong quý I sang trạng thái dư cung vào quý II và quý III. Do đó, mặc dù vào một số thời điểm nhu cầu thanh toán bằng ngoại tệ cao trong quý I và quý IV nhưng quy mô dự trữ ngoại hối cả năm vẫn được cải thiện do bổ sung từ các thời điểm thị trường ngoại hối dư cung.

Quản lý hoạt động kinh doanh vàng để ổn định thị trường vàng trong nước

Năm 2011, NHNN thực hiện các giải pháp nhằm ổn định giá vàng và thị trường vàng trong nước thông qua ban hành Thông tư về chấm dứt huy động và cho vay vốn bằng vàng của tổ chức tín dụng; quy định ngân hàng không được cho vay vốn để mua vàng, trừ trường hợp cho

vay để nhập khẩu vàng nguyên liệu theo giấy phép của NHNN; đồng thời quy định nâng hệ số rủi ro lên 250% đối với các khoản cho vay được bảo đảm bằng vàng. Đặc biệt, việc cho phép 5 Ngân hàng Thương mại và công ty SJC thực hiện can thiệp, bình ổn giá vàng đã hạn chế và thu hẹp chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng quốc tế, góp phần bình ổn giá vàng diễn biến theo xu hướng giá thế giới.

Quản lý các giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ trong nước phù hợp với xu thế hội nhập

Trong năm qua, nhờ chính sách thu hút ngoại tệ thông thoáng, phù hợp với xu thế hội nhập cùng với mạng lưới nhận, chi trả ngoại tệ phát triển rộng khắp trên phạm vi toàn quốc, lượng kiều hối chuyển về năm 2011 tăng 12% so với năm 2010, góp phần cải thiện cán cân thanh toán tổng thể. Đồng thời, NHNN đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, lực lượng quản lý thị trường kiểm tra việc thực hiện các quy định về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, chấm dứt tình trạng niêm yết, quảng cáo giá cả hàng hóa và dịch vụ bằng ngoại tệ, chấn chỉnh hoạt động của các đại lý đổi ngoại tệ, khắc phục dần tình trạng đôla hóa trong nền kinh tế và góp phần ổn định thị trường ngoại hối.

Quản lý các giao dịch vốn để đảm bảo sự lành mạnh của cán cân thanh toán, phù hợp với các nguyên tắc quản lý nợ nước ngoài

NHNN đã phối hợp với các Bộ, Ngành quản lý hiệu quả hơn các dòng vốn vào ra nhằm đảm bảo lành mạnh cán cân thanh toán. Năm 2011, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp mới cho 75 dự án đầu tư ra nước ngoài tại 26 quốc gia, vùng lãnh thổ và điều chỉnh 33 dự án đầu tư. Thống kê từ báo cáo của các tập đoàn, doanh nghiệp có nhiều dự án đầu tư ra nước ngoài cho thấy, trong năm 2011, vốn thực hiện ước đạt khoảng 950 triệu USD. Bên cạnh đó, NHNN nhận đăng ký 1.156 khoản vay nước ngoài trung dài hạn của doanh nghiệp với tổng kim ngạch khoảng 5,5 tỷ USD; mức rút vốn vay đảm bảo nằm trong hạn mức của năm. Ngoài ra, từ tháng 9/2011, NHNN yêu cầu các TCTD thực hiện dự trữ bắt buộc đối với khoản tiền gửi bằng ngoại tệ tại nước ngoài với tỷ lệ 1,0% theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011, góp phần điều hòa dòng vốn ngoại tệ, ổn định thị trường ngoại hối.

Các chỉ số nợ vẫn trong phạm vi giới hạn an toàn, phù hợp với các quy định của các tổ chức tài chính quốc tế; theo đó Việt Nam được đánh giá là nước có mức nợ nằm trong tầm kiểm soát và không nằm trong nhóm các nước có gánh nặng về nợ (HIPCs).

3. Hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng

Công tác thanh tra, kiểm tra

Trong năm 2011, Cơ quan Thanh tra, giám sát NHNN đã chỉ đạo toàn bộ mạng lưới tiến hành hàng ngàn đợt thanh tra theo kế hoạch cũng như đột xuất. Nội dung thanh tra tập trung vào thanh tra việc thực hiện cấp tín dụng, đầu tư tài chính, quản trị điều hành, mua bán ngoại tệ và phòng chống rửa tiền. Hoạt động thanh tra, kiểm tra đột xuất tập trung vào thanh tra cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán, cho vay lĩnh vực bất động sản và cho vay đầu tư các nhu cầu vốn phục vụ đời sống, cho vay bằng ngoại tệ, thanh tra công ty cho thuê tài chính, thanh tra việc chấp hành quy định lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ, kiểm tra về kinh doanh vàng. Đối với khối TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các cuộc thanh tra theo kế hoạch đã thực hiện theo phương pháp thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng với thanh tra rủi ro trong hoạt động của đối tượng thanh tra, giám sát ngân hàng.

Ngoài ra, NHNN đã thành lập các tổ công tác tiếp xúc, làm việc với 37 NHTMCP, một số Công ty tài chính và một số đơn vị thuộc khối TCTD nước ngoài, nhằm nắm bắt kịp thời các vấn đề về tình hình tổ chức và hoạt động; về tình hình thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ; đánh giá tình hình thanh khoản, hoạt động tín dụng và một số vấn đề nổi cộm của từng NHTMCP.

Kết quả thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những tồn tại, sai phạm, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, từ đó tiến hành xử lý theo thẩm quyền và đưa ra những yêu cầu, cảnh báo cần thiết; đồng thời phát hiện những sơ hở trong cơ chế, chính sách có liên quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh.

Hoạt động giám sát ngân hàng

Năm 2011, NHNN tiếp tục triển khai Dự án “Hệ thống

“

Nhằm đảm bảo an toàn hệ thống, hỗ trợ cho điều hành chính sách, hoạt động thanh tra tập trung vào hoạt động cấp tín dụng, lãi suất, tỷ giá, kinh doanh vàng, đầu tư tài chính, quản trị điều hành, phòng chống rửa tiền, giám sát chặt chẽ các ngân hàng yếu kém

thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa” và Phương án “Xử lý thông tin phục vụ công tác Quản lý hệ thống quỹ tín dụng nhân dân”, nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo sớm về rủi ro của TCTD.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Năm 2011, NHNN tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan Thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, đóng vai trò đầu mối của Việt Nam trong nhóm Châu Á-Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền và đầu mối triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố và cam kết của Chính phủ Việt Nam với Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền.

Trong năm 2011, NHNN ban hành Thông tư hướng dẫn về nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng trên cơ sở rủi ro và ban hành sổ tay Thanh tra tại chỗ về phòng, chống rửa tiền; ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền giữa NHNN với Ngân hàng Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. NHNN tiếp tục tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện dự thảo Luật Phòng, chống rửa tiền và dự kiến Luật Phòng, chống rửa tiền sẽ được Quốc Hội khóa XIII thông qua vào tháng 5/2012.

4. Công tác pháp chế

Hệ thống thể chế về tiền tệ và hoạt động ngân hàng tiếp tục được hoàn thiện, phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện Việt Nam nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước của NHNN và tạo thuận lợi cho các TCTD hoạt động an toàn hiệu quả.

Công tác xây dựng pháp luật

Trong năm 2011, NHNN đã ban hành mới 38 Thông tư trong đó tập trung vào các văn bản hướng dẫn Luật NHNN và Luật các TCTD năm 2010, các chính sách quan trọng về tiền tệ, tín dụng, quản lý ngoại hối, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng, công bố cung cấp thông tin, cải cách thủ tục hành chính góp phần quan trọng trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn và hiệu quả. Bên cạnh đó, NHNN đã tiến hành sửa đổi, bổ sung 07 Thông tư để hoàn thiện hệ thống văn bản điều chỉnh hoạt động ngân hàng.



Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng thể chế là xây dựng văn bản hướng dẫn Luật NHNN và Luật các TCTD năm 2010, tháo gỡ khó khăn về mặt chính sách, tạo thuận lợi cho các TCTD hoạt động an toàn, hiệu quả

Năm 2011, NHNN được Thủ tướng Chính phủ phân công chủ trì xây dựng dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi và dự án Luật Phòng, chống rửa tiền thuộc Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2011 của Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIII, NHNN đã hoàn thiện và trình Chính phủ xem xét trình Quốc hội dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi và dự án Luật Phòng, chống rửa tiền. Hai dự án Luật này đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội Khóa XIII và dự kiến sẽ được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội Khóa XIII. Bên cạnh việc xây dựng các dự án Luật, NHNN đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định: Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26/01/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 ban hành danh mục mức vốn pháp định của Tổ chức tín dụng; Nghị định số 95/2011/NĐ-CP ngày 20/10/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 202/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

NHNN cũng tập trung tiến hành rà soát toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực trong năm 2011 và công bố tại Quyết định số 311/QĐ-NHNN ngày 24/2/2011 và Quyết định số 1630/QĐ-NHNN ngày 21/7/2011. Để xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật trong ngành ngân hàng, từ năm 2011 NHNN phối hợp với Dự án STAR triển khai công tác hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ngành ngân hàng từ năm 1951 trở lại đây, cung cấp đầy đủ các thông tin pháp lý, tiện ích tra cứu phục vụ cho công tác xây dựng và thực thi pháp luật trong ngành ngân hàng.

Tăng cường thực thi pháp luật ngân hàng

Nhằm tăng cường công tác thực thi pháp luật về ngân hàng, năm 2011 NHNN thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

Về đơn giản hóa thủ tục hành chính: Triển khai Nghị quyết số 60/NQ-CP năm 2010, NHNN tập trung thực hiện đơn giản hoá thủ tục hành chính theo bốn lĩnh vực về hoạt động thanh toán và các lĩnh vực khác, thành lập và hoạt động ngân hàng, hoạt động ngoại hối và hoạt động tiền tệ.

Về kiểm tra, rà soát văn bản: Để hoàn thiện thể chế về công tác kiểm tra văn bản, ngày 30/9/2011 Thống đốc đã ban hành Thông tư số 31/2011/TT-NHNN quy định về

kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm luật của NHNN thay thế cho Quyết định số 38/2006/QĐ-NHNN ngày 01/8/2006. Năm 2011, NHNN đã tiến hành tự kiểm tra 36 Thông tư do Thống đốc NHNN ban hành và liên tịch ban hành trong giai đoạn từ 01/10/2009 đến 30/9/2010. Tiến hành kiểm tra theo thẩm quyền các văn bản do Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân ban hành có liên quan đến lĩnh vực quản lý của NHNN. Đồng thời, NHNN đã phối hợp tích cực với Bộ Tư pháp trong việc kiểm tra một số văn bản quan trọng mang tính thời sự được dư luận quan tâm.

Tăng cường công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: NHNN triển khai các biện pháp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong ngành ngân hàng trên cơ sở Kế hoạch số 1427/KH-NHNN ngày 23/2/2011 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. NHNN đã gửi Bộ tư pháp Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2011 của NHNN và Báo cáo chuyên đề theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực thanh toán.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Thực hiện chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến 2012 của Chính phủ tại Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg và kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2011 của NHNN, NHNN đã tổ chức phổ biến, tuyên truyền một số Luật mới ban hành; đồng thời kịp thời tuyên truyền các văn bản pháp luật trong ngành ngân hàng và các Nghị định của Chính phủ trên trang thông tin điện tử của NHNN.

Công tác pháp luật quốc tế

NHNN đã tham gia ý kiến về mặt pháp lý đối với các điều ước quốc tế, các cam kết quốc tế, các hợp đồng và thoả thuận với nước ngoài, với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng của NHNN; phối hợp tham gia giải quyết các vụ việc, tranh chấp có yếu tố nước ngoài liên quan đến tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

Ngoài ra, NHNN đã tích cực tham gia vào việc rà soát các cam kết và thoả thuận quốc tế, rà soát đề xuất danh mục các cam kết gia nhập WTO áp dụng trực tiếp và tham gia hợp tác với các tổ chức quốc tế như WB, CIDA, STAR, IMF trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đưa các chuẩn mực và thông lệ quốc tế vào các quy định pháp luật

trong lĩnh vực ngân hàng, đặc biệt trong việc xây dựng dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Công tác phát hành kho quỹ

Phát hành và điều hoà tiền mặt

Trên cơ sở nghiên cứu các chỉ số kinh tế vĩ mô, dự báo tỷ trọng tiền mặt/tổng phương tiện thanh toán và các chỉ số khác, NHNN đã xây dựng kế hoạch in tiền năm 2011 và định hướng cho các năm tiếp theo để chủ động cung ứng cho nền kinh tế và bảo đảm yêu cầu dự trữ tiền mặt của Nhà nước.

Do chủ động theo dõi sát diễn biến tình hình tiền mặt, NHNN đã tổ chức điều hoà kịp thời, linh hoạt đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá, không để xảy ra tình trạng thừa, thiếu cục bộ, đảm bảo lưu thông tiền tệ ổn định. Đồng thời, NHNN đã phối hợp với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Ban Tôn giáo Chính phủ và các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền về sử dụng đồng tiền đúng mục đích, phù hợp với văn hóa trong dịp lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo...

Các giải pháp nhằm giảm áp lực trong giao dịch tiền mặt với NHNN, tăng sức chứa của kho tiền và xây dựng mô hình điều hoà tiền mặt hợp lý cũng đã được NHNN đặt ra và triển khai thực hiện. Năm 2011, NHNN đã tổ chức triển khai thí điểm tại Hà Nội và Hồ Chí Minh về mô hình thu, chi tiền mặt thông qua đầu mối tổ chức tín dụng; khảo sát và quyết định xây dựng một số kho tiền có tính chất vùng, khu vực để làm kho trung chuyển, có nhiệm vụ điều hoà tiền mặt cho một số NHNN chi nhánh trong khu vực.

Nhằm nâng cao chất lượng đồng tiền trong lưu thông, NHNN tiếp tục triển khai việc đánh giá chất lượng tiền polymer, đồng thời chỉ đạo tăng cường công tác kiểm đếm, tuyển chọn tiền và kiểm tra việc tổ chức thực hiện, thu hồi các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiếp tục đưa các loại tiền mới vào lưu thông, đảm bảo các loại tiền lưu thông đủ tiêu chuẩn sạch đẹp.

Công tác an toàn kho quỹ

Để tăng cường an toàn kho quỹ, NHNN thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn và mở các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Các TCTD đã



NHNN chủ động điều hoà linh hoạt lượng tiền mặt lưu thông, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế cả về số lượng và cơ cấu mệnh giá

chủ động ứng dụng công nghệ mới, đầu tư cơ sở vật chất nhằm bảo vệ an toàn tài sản, xây dựng mới các kho tiền, lắp đặt các hệ thống thiết bị an toàn, trang bị phương tiện bảo quản tiền, phương tiện vận tải chuyên dụng, đảm bảo an toàn vận chuyển, giao nhận. Ngoài ra, các máy móc, thiết bị kiểm đếm, đóng bó, buộc thếp tiền sử dụng công nghệ mới cũng được quan tâm trang bị nhằm nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

NHNN tiếp tục triển khai Dự án nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tiền giả lưu hành trong hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; đồng thời tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên trao đổi thông tin, tuyên truyền và triển khai các biện pháp phòng ngừa tiền giả; tuyên truyền cho nhân dân cách nhận biết tiền thật; thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về giám định tiền cho cán bộ làm công tác kiểm ngân, thủ quỹ và giao dịch viên của các tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố. Với các loại tiền giả loại mới xuất hiện, NHNN đã sử dụng công nghệ hiện đại để nghiên cứu, phân tích và đưa ra các thông tin cảnh báo, giúp cho hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước trong việc tiếp nhận và xử lý thông tin về tiền giả.

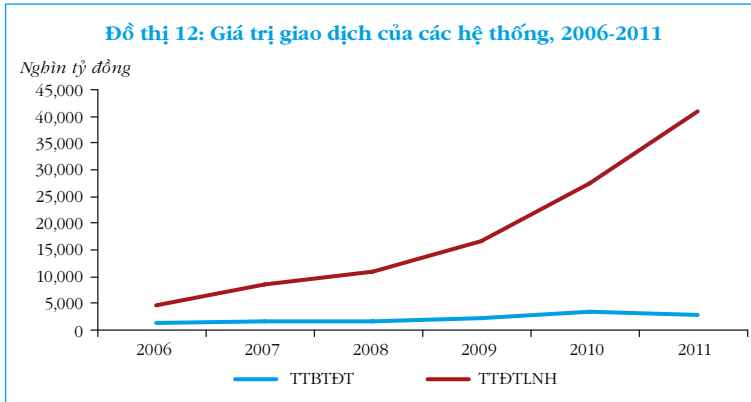
6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán

Đến cuối năm 2011, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTTLNH) đã được kết nối với 66 đơn vị thuộc NHNN, 753 đơn vị thành viên trực tiếp thuộc 96 tổ chức tín dụng thành viên (giảm 03 thành viên so với thời điểm cuối năm 2010 do có sự hợp nhất của một số ngân hàng). Số lượng giao dịch trung bình đạt khoảng 80.000-90.000 giao dịch/ngày, cao điểm có ngày lên đến gần 200.000 giao dịch, giá trị giao dịch bình quân khoảng 150.000 tỷ đồng/ngày. Luồng thanh toán giá trị thấp hiện đã có 58/96 ngân hàng thành viên đủ điều kiện và được chấp thuận tham gia; trung bình xử lý khoảng 65.000 giao dịch/ngày (chiếm hơn 75% lượng giao dịch trong ngày), tăng hơn 35% so với năm 2010; giá trị giao dịch bình quân cũng tăng khoảng 30% so với năm 2010.

“

Hệ thống thanh toán tiếp tục được hiện đại hóa, các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, tiện ích phát triển mạnh mẽ, góp phần đẩy nhanh phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.



Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử (TTBTĐT) đã được triển khai tại 58 địa bàn tỉnh, thành phố (ngoại trừ 5 tỉnh, thành phố là Hà Nội, Hải Phòng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Đà Nẵng). Đến cuối năm 2011, hệ thống có tổng số hơn 1.000 thành viên, tăng khoảng 5,83% so với năm 2010. Số lượng và giao dịch đạt xấp xỉ 6 triệu giao dịch và gần 1.700 nghìn tỷ đồng, giảm tương ứng 42,34% và 44,66% so với năm 2010. Nguyên nhân của việc giảm giao dịch thanh toán tại hệ thống TTBTĐT là do hệ thống TTĐTLNH ngày càng phát triển và mở rộng với ưu thế về tốc độ và phạm vi thanh toán và một phần là do những khó khăn của nền kinh tế trong năm 2011; đồng thời số lượng và giá trị giao dịch TTBTĐT giảm cũng phần nào thể hiện xu hướng tập trung hóa các hệ thống thanh toán hiện nay.

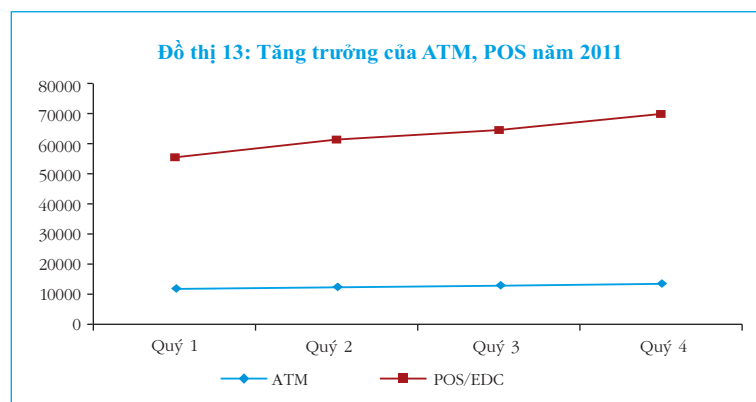
Năm 2011, NHNN tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với các tổ chức chuyển mạch trong nước triển khai Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở lựa chọn Công ty Cổ phần chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam (Banknetvn) là hạt nhân. NHNN đã ban hành Quyết định về việc chuyển kết nối hệ thống máy giao dịch tự động (ATM)/thiết bị chấp nhận thẻ (POS) của các ngân hàng thành viên Công ty Cổ phần Thẻ thông minh Vi Na (VNBC) về Banknetvn, trong đó yêu cầu các ngân hàng thương mại Việt Nam là thành viên của VNBC thực hiện kết nối với Banknetvn kể từ ngày 01/01/2012. Trong năm 2011, NHNN Chi nhánh các tỉnh, thành phố, các ngân hàng thương mại và các công ty chuyển mạch đã hoàn thành kết nối về kỹ thuật trên toàn quốc với sự tham gia của trên 30 ngân hàng thương mại và hỗ trợ xử lý hàng triệu giao dịch với giá trị thanh toán hàng nghìn tỷ đồng qua hơn 31.000 POS. Việc kết nối liên thông hệ thống POS trên toàn quốc

giúp tạo ra các tiện ích và giá trị lớn hơn cho người sử dụng thẻ, tiết kiệm chi phí đầu tư mở rộng mạng lưới POS, giảm tải cho hệ thống ATM. Thanh toán thẻ qua POS có chuyển biến tích cực tại các địa phương và các thành phố lớn, nơi có điều kiện thuận lợi và cơ hội cho việc phát triển thanh toán thẻ qua POS, góp phần mở rộng xu hướng thanh toán không dùng tiền mặt.

Phát triển các dịch vụ, phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán mới, hiện đại

Năm 2011 tiếp tục chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của nhiều phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại, tiện ích và tiện lợi, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người sử dụng dịch vụ thanh toán như thẻ ngân hàng, Internet Banking, Mobile Banking, Ví điện tử,...; trong đó thẻ ngân hàng là phương tiện thanh toán được nhiều người sử dụng. Tính đến cuối năm 2011 đã có 50 tổ chức đăng ký phát hành thẻ với 285 thương hiệu thẻ, số lượng thẻ trong lưu thông đạt hơn 41 triệu thẻ, tăng khoảng 34% so với cuối năm 2010; cơ sở hạ tầng phục vụ thanh toán thẻ tiếp tục được đầu tư, lắp đặt với hơn 13.300 ATM và gần 70.000 POS, tăng tương ứng 1,6 và 1,3 lần so với cuối năm 2010.

Đến nay, NHNN đã cho phép 09 tổ chức không phải là ngân hàng được thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử. Các tổ chức này đã nỗ lực hợp tác với các NHTM, các nhà phân phối, các đơn vị kinh doanh thương mại điện tử để mở rộng phạm vi chấp nhận thanh toán Ví điện tử cho khách hàng; đồng thời có những chương trình quảng cáo, khuyến khích khách hàng sử dụng dịch vụ.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Triển khai Chỉ thị 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ Ngân sách nhà nước, trong năm 2011, NHNN đã có Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ tổng kết kết quả sau ba năm thực hiện. Đồng thời, NHNN cũng tiếp tục chỉ đạo các NHTM nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ trả lương qua tài khoản và các dịch vụ đi kèm. Việc trả lương qua tài khoản đã làm thay đổi dần thói quen sử dụng tiền mặt của cán bộ, công chức, viên chức, thúc đẩy việc tiếp cận và làm quen với công nghệ thanh toán hiện đại.

Trong năm, NHNN đã tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Quyết định 291/2006/QĐ-TTg ngày 29/12/2006 về “Đề án thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020”, từ đó xây dựng Đề án “Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) tại Việt Nam giai đoạn 2011-2015” và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 2453/QĐ-TTg ngày 27/12/2011. Một trong những nhiệm vụ cơ bản của Đề án là phát triển thanh toán điện tử với nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, đa dạng, an toàn, thuận tiện, trọng tâm là phát triển thanh toán qua POS để giảm thanh toán bằng tiền mặt, tạo thói quen TTKDTM trong bộ phận lớn dân cư.

Công tác giám sát các hệ thống thanh toán

Để đảm bảo hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả, trong năm 2011, NHNN đã từng bước triển khai tổ chức thực hiện việc giám sát các hệ thống thanh toán; triển khai xây dựng phần mềm để quan sát trực tuyến hệ thống TTĐTLNH. Bên cạnh việc theo dõi, giám sát từ xa thông qua thu thập tổng hợp thông tin báo cáo, NHNN tổ chức thực hiện giám sát trực tuyến và trực tiếp hoạt động hàng ngày của hệ thống TTĐTLNH, đánh giá tình hình hoạt động, phát hiện, đề xuất và giải quyết kịp thời các vấn đề, rủi ro phát sinh để hệ thống thanh toán hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả.

7. Hoạt động thông tin tín dụng

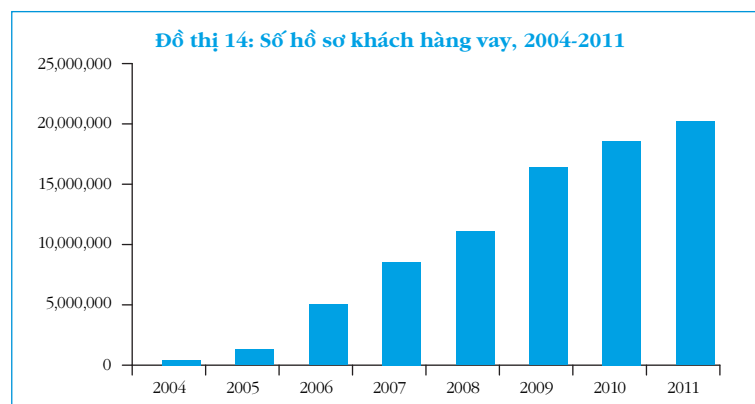
Hoạt động thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

CIC thu thập và lưu trữ thông tin từ 100% các TCTD hoạt động theo Luật Các Tổ chức tín dụng và thông tin từ

“

Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin, và góp phần ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng

một số tổ chức ngoài hệ thống ngân hàng. Hiện kho dữ liệu của CIC đã lưu trữ gần 21 triệu hồ sơ khách hàng vay, trong đó hơn 400.000 hồ sơ khách hàng doanh nghiệp và hơn 20 triệu hồ sơ khách hàng vay cá nhân. Kho dữ liệu của CIC bao gồm: Thông tin hồ sơ pháp lý, quan hệ tín dụng, tài sản bảo đảm, thông tin thẻ tín dụng, báo cáo tài chính của khách hàng vay, được cập nhật định kỳ và lưu trữ trong 5 năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Hoạt động cung cấp thông tin của CIC không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, đồng thời thường xuyên nâng cấp quy trình cung cấp thông tin, rút ngắn thời gian cung cấp thông tin cho người sử dụng. Hiện tại, CIC đang cung cấp gần 50 sản phẩm thông tin tín dụng được phân loại theo 4 nhóm: Báo cáo tín dụng khách hàng vay trong nước, Báo cáo thông tin doanh nghiệp nước ngoài, Báo cáo xếp hạng tín dụng và Báo cáo thông tin cảnh báo tín dụng. Riêng năm 2011, CIC đã cung cấp trên 1,7 triệu báo cáo tín dụng qua hệ thống các trang Web của CIC, tăng trên 40% so với năm 2010.

Nghiệp vụ xếp hạng tín dụng

Kể từ khi CIC chính thức triển khai nghiệp vụ xếp hạng tín dụng theo Quyết định 1253/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN, hoạt động xếp hạng tín dụng đã được CIC bổ sung thường xuyên về cả phương pháp luận trên cơ sở học tập kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam. Riêng năm 2011, CIC đã tiến hành xếp hạng gần 20.000 báo cáo xếp hạng tín dụng doanh nghiệp cho các đơn vị sử dụng. Hoạt động xếp hạng tín dụng của CIC không chỉ có ý nghĩa đối với các cơ quan quản lý nhà nước trong hoạch định chính sách và hoạt động quản lý nhà nước, đồng thời giúp các TCTD trong công tác quản trị rủi

ro, đánh giá khách hàng vay vốn. Đối với bản thân các doanh nghiệp được xếp hạng, kết quả xếp hạng tín dụng của CIC là nguồn tin khách quan để các doanh nghiệp tự đánh giá năng lực hoạt động của mình, nâng cao tính minh bạch về thông tin và cải thiện về khả năng tiếp cận tín dụng.

Chỉ tiêu hoạt động thông tin tín dụng của Việt Nam

Chỉ tiêu	2011		2012	
	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương
Độ sâu của TTTD (thang điểm từ 0-6) - Depth of credit information index	5	2	5	2
Độ phủ của cơ quan TTTD công (tỷ lệ % trên số người trưởng thành) - Public credit registry coverage (% adults)	26,4	8,2	29,8	10,3

Nguồn: CIC và World Bank, Doing Business 2012

8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Ngay từ đầu năm, NHNN đã đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về tiền tệ, ngân hàng, đặc biệt là việc triển khai Nghị quyết 11/NQ-CP để góp phần tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ và NHNN. Ngoài việc sử dụng hoạt động thông tin truyền thống, NHNN đã có nhiều giải pháp tăng cường hiệu quả, độ lan rộng của thông tin với quan điểm nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của NHNN. Cụ thể:

- Chủ động công bố thông tin chính xác, kịp thời, nhất là những vấn đề dư luận quan tâm thông qua Website NHNN, tại các cuộc họp báo do Văn phòng Chính phủ tổ chức, tại các cuộc họp giao ban báo chí do các cơ quan quản lý báo chí tổ chức, tại các diễn đàn Quốc hội hoặc trả lời phỏng vấn báo chí và được dư luận đánh giá cao, nhất là đối với các thông tin về giải pháp bình ổn tỷ giá, thị trường ngoại tệ và vàng, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, xử lý vấn đề truyền thông trong sự kiện hợp nhất 3 NHTMCP Sài Gòn, Đệ Nhất, Việt Nam Tín Nghĩa...

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông lớn ngoài ngành (Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Công thông tin điện tử Chính phủ, các báo lớn có tầm ảnh hưởng quốc gia...) tuyên truyền các

Công tác thông tin, truyền thông ra công chúng đã được cải tiến mạnh mẽ nhờ tăng tính chủ động, cải tiến phương thức truyền thông, gia tăng hàm lượng thông tin công bố; qua đó đã được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao; góp phần thực hiện thành công Nghị quyết 11

chính sách và đóng góp của ngành Ngân hàng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thông qua các phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, tin, bài. Nhờ đó, thông tin về hoạt động ngân hàng trên các kênh truyền thông đã tích cực hơn, ủng hộ hơn.

- Thực hiện một bước tiến mạnh mẽ trong công tác thông tin, tuyên truyền của NHNN thông qua việc ban hành Thông tư số 35/2011/TT-NHNN với việc công bố bổ sung trên Website NHNN gần 20 chỉ tiêu, thông tin quan trọng về diễn biến tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

Trong thời gian tới, công tác thông tin, truyền thông sẽ tiếp tục được NHNN quan tâm đẩy mạnh thông qua tăng cường sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị chức năng thuộc NHNN, cải tiến cơ chế cung cấp thông tin, nâng cao tính xã hội hóa của các ấn phẩm báo, tạp chí, bản tin của NHNN.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Kiểm soát, kiểm toán nội bộ

Trong năm 2011, công tác kiểm toán nội bộ tập trung vào 6 chuyên đề: báo cáo tài chính, tuân thủ và hoạt động, đầu tư xây dựng cơ bản, tin học, hoạt động kho quỹ và dự án FSMIMS. Hoạt động kiểm toán tập trung vào những nội dung có rủi ro cao ngay từ khâu lập kế hoạch cho đến khi xây dựng đề cương chi tiết, từng bước vận dụng phương pháp, kỹ thuật kiểm toán theo thông lệ quốc tế. Đồng thời, việc đưa công nghệ tin học phục vụ trong quá trình kiểm toán, sử dụng phần mềm kiểm toán TeamMate đã rút ngắn thời gian thẩm định báo cáo kiểm toán, từng bước nâng cao chất lượng báo cáo kiểm toán. Quy định về kiểm toán nội bộ được hoàn thiện một bước thông qua việc ban hành Thông tư số 16/2011/TT-NHNN ngày 17/8/2011 về kiểm soát, kiểm toán nội bộ NHNN và các quy trình kiểm toán nội bộ theo từng chuyên đề.

NHNN đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại 12 đơn vị (trong đó có 03 đơn vị tại trụ sở chính NHNN và 09 NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố); kiểm toán tuân thủ và hoạt động tại 10 đơn vị (trong đó có 5 đơn vị Vụ, Cục và 5 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố); kiểm toán 8 dự án đầu tư xây dựng (trong đó có 04 dự án đã được Thống đốc phê duyệt quyết toán, 04 dự án đang trình Thống đốc phê duyệt quyết toán); kiểm toán tin học tại 6 đơn vị NHNN; kiểm toán hoạt động kho quỹ tại 5 đơn vị chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố có quản lý kho tiền và kiểm toán dự án FSMIMS.

Hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ năm 2011 diễn ra khá toàn diện trên các mặt hoạt động. Kết quả kiểm toán đã phân tích được những điểm tích cực, những điểm tồn tại, các rủi ro tiềm ẩn và kiến nghị biện pháp xử lý những tồn tại, vướng mắc trong hoạt động của các đơn vị NHNN. Đồng thời, kiểm toán nội bộ đã tư vấn cho các đơn vị thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ đầy đủ, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; đảm bảo cho các đơn vị trong hệ thống NHNN hoạt động đúng hành lang pháp luật, an toàn và hiệu quả.

2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự

“

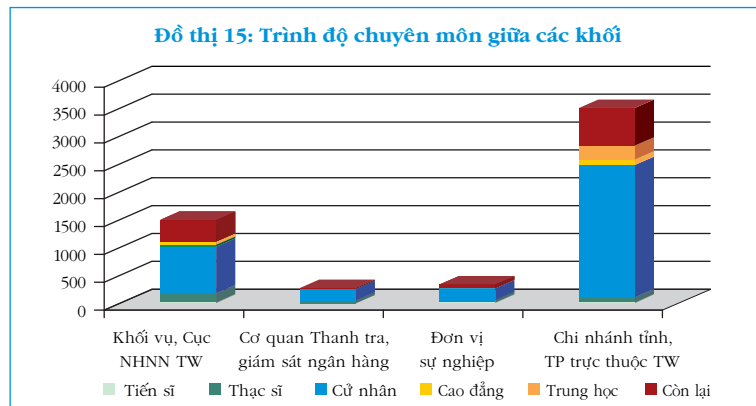
Năm 2011 hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ triển khai khá toàn diện trên các mặt hoạt động, trọng tâm chỉ đạo là kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro



NHNN tiếp tục tăng cường số lượng và chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và mục tiêu sử dụng

Nhằm tăng cường năng lực cho các Vụ, Cục NHTW, đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả vai trò của NHNN với tư cách là cơ quan quản lý Nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và cơ quan tham mưu cho Chính phủ trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, năm 2011 Thống đốc tiếp tục điều chỉnh bổ sung biên chế, tăng cường số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ cho các đơn vị NHTW. Tỷ trọng biên chế thuộc chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chiếm 62%, khối Vụ, Cục NHNN trung ương chiếm tỷ trọng 27%, khối các đơn vị sự nghiệp chiếm tỷ trọng 6%, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng chiếm 5%.

Đối với các đơn vị Vụ, Cục NHTW, việc xác định biên chế (số lượng, chất lượng, chuyên ngành đào tạo...) cho các đơn vị dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, tính chất và vị trí công việc được Thống đốc phê duyệt. Đối với NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố, việc xác định biên chế, ngoài căn cứ theo tính chất công việc, còn đồng thời phải xét đến các yếu tố khác như chất lượng công chức, điều kiện kinh tế, xã hội; số lượng, quy mô, loại hình TCTD trên địa bàn.

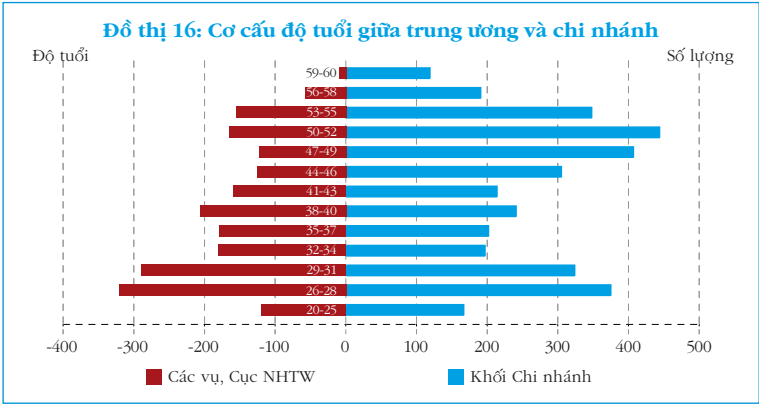


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Năm 2011, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị. Theo đó, tại Ngân hàng Nhà nước trung ương đã bổ sung một số phòng chuyên môn thuộc các Vụ, Cục và Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng để tránh sự trùng lặp, chồng chéo hoặc bỏ trống nhiệm vụ, đảm bảo tính chuyên môn hóa cao trong quá trình thực thi nhiệm vụ ở các đơn vị.

Do tăng cường những cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có năng lực chuyên môn sâu cho khối hoạch định, thực thi chính sách và giám sát hoạt động ngân hàng tại các

Vụ, Cục NHTW, nên độ tuổi bình quân của cán bộ, công chức khối các đơn vị Vụ, Cục khu vực Trung ương thấp hơn so với các chi nhánh.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Công tác đào tạo, bồi dưỡng

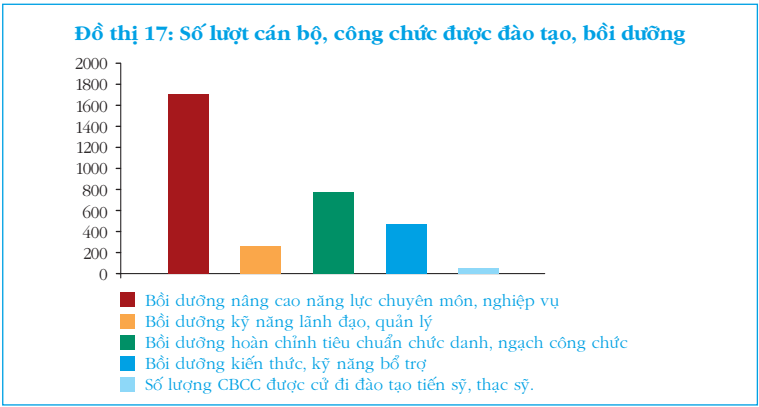
Công tác đào tạo, bồi dưỡng bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức NHNN chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, theo định hướng các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng trung ương, nhằm hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, đồng thời thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Năm 2011, NHNN tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ đào tạo, bồi dưỡng với nâng cao năng lực xử lý công việc chuyên môn. Theo đó, NHNN đã hoàn thành xây dựng khung chương trình đào tạo cho các lĩnh vực chuyên môn, nhóm cán bộ, và xây dựng, triển khai khung chương trình đào tạo giành cho cán bộ khối Chính sách, cán bộ khối Thanh tra, giám sát. Đây là hai nhóm cán bộ gắn với các chức năng, nhiệm vụ trọng yếu của NHNN. Theo ngạch công chức và chức danh lãnh đạo quản lý, NHNN xây dựng khung chương trình đào tạo cán bộ cấp Vụ, cấp Phòng, Chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, Chương trình bồi dưỡng cán bộ mới tuyển dụng. Đồng thời triển khai các chương trình khác như đào tạo cán bộ làm công tác Kế toán, Kiểm soát, Tiền tệ - Kho quỹ và cán bộ Quản lý nhân sự.

Việc xây dựng các khung chương trình đào tạo có ý

nghĩa quan trọng, giúp đơn vị sử dụng công chức và Vụ Tổ chức cán bộ có kế hoạch, định hướng rõ ràng, lựa chọn và cử đúng đối tượng tham gia khóa học, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo. Qua đó, sử dụng hợp lý các nguồn lực cho đào tạo, tránh dàn trải, trùng lặp. Kết quả đầu ra của quá trình đào tạo, bồi dưỡng gắn bó chặt chẽ với việc nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Về số lượng, năm 2011, NHNN đã cử 46 công chức đi đào tạo sau đại học (23 cán bộ đi học ở nước ngoài). Tổ chức các khóa bồi dưỡng ngắn hạn cho 3679 lượt cán bộ tham dự (trong đó có 354 lượt học ở nước ngoài) thuộc các lĩnh vực hoạch định, thực thi chính sách tiền tệ, thanh tra giám sát, kế toán, quản trị nhân sự và chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh và nhiều lĩnh vực khác.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức

Căn cứ vào Luật Cán bộ, công chức có hiệu lực thi hành từ 01/01/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành, NHNN đã có những hoạt động nhằm nâng cao năng lực, đề cao trách nhiệm của công chức trong thi hành công vụ. Trong công tác cán bộ đã kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm với chỉ tiêu biên chế; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng. Để thực hiện tốt công tác này, NHNN triển khai thực hiện rà soát, tu chỉnh hệ thống văn bản trong ngành về công tác cán bộ, trong đó tăng cường việc phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị theo loại nghiệp vụ, đối tượng quản lý và quy trình thực hiện, đảm bảo nguyên tắc dân chủ, quyền chủ động của đơn vị và sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương. Đồng thời, tiếp

tục nghiên cứu và phối hợp với các đơn vị để chỉnh sửa, hoàn thiện các công cụ, phương pháp quản trị nhân sự như “Xác định vị trí việc làm” và “Bản mô tả công việc”, giúp người đứng đầu các đơn vị có thêm cơ sở và đảm bảo việc đánh giá đội ngũ cán bộ, công chức khách quan, minh bạch, góp phần phát huy tiềm năng, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực. Tích cực triển khai Quy chế phân cấp quản lý, sử dụng Hệ thống thông tin quản lý cán bộ, công chức, viên chức NHNN, là công cụ hỗ trợ tích cực cho việc ra quyết định trong công tác nhân sự.

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng của NHNN

Năm 2011, Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng triển khai 96 khóa học và hội thảo với 3.394 lượt cán bộ tham dự, tăng tương ứng 16% và 25% so với năm 2010. Chất lượng đào tạo được nâng cao và đối tượng đào tạo được mở rộng, các chuyên đề đào tạo đa dạng và phong phú, đáp ứng mục tiêu phát triển năng lực và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức trong toàn hệ thống. Trọng tâm công tác đào tạo bồi dưỡng phù hợp với định hướng các nhiệm vụ then chốt của NHNN và của ngành ngân hàng. Theo đó, 3 chương trình đào tạo chính trong năm 2011 là Chương trình đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp Vụ và cấp Phòng của NHNN; Chương trình đào tạo cán bộ khối nghiệp vụ chính sách NHTW và Chương trình đào tạo cán bộ làm công tác thanh tra giám sát ngân hàng. Các chương trình đào tạo khác bao gồm: kế toán - kiểm toán, các nghiệp vụ ngân hàng thương mại, các sản phẩm và thị trường tài chính, quản trị nguồn nhân lực, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng làm việc.

Bên cạnh việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý đào tạo, Trường bồi dưỡng cán bộ ngân hàng cũng chú trọng hoạt động nghiên cứu, xây dựng nội dung chương trình, phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức. Nội dung các chương trình đào tạo không ngừng được cải tiến, cập nhật và nâng cao theo yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức ngân hàng. Các phương thức đào tạo mới được nghiên cứu triển khai áp dụng thành công. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy và học tập tiếp tục được phát triển và hoàn thiện.

Trong quá trình triển khai hoạt động, Trường Bồi

dưỡng cán bộ ngân hàng đã nhận được sự hợp tác và hỗ trợ tích cực của các tổ chức quốc tế như Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ), Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO), Cơ quan Chuyển giao công nghệ Tài chính Luxembourg (ATTF), Quỹ TEMASEK Singapore, Ngân hàng Liên Bang Đức, Ngân hàng Trung ương Thụy Điển, Ngân hàng Quốc gia Ba Lan và một số NHTW các nước, các trường và cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

3. Công nghệ thông tin

Hoạt động công nghệ thông tin của NHNN tập trung vào việc tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, hiện đại hóa các hoạt động, nghiệp vụ trên nền tảng công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao hiệu quả trong thực hiện chính sách tiền tệ, năng lực thanh tra giám sát, đảm nhận tốt vai trò trung tâm thanh toán của nền kinh tế. Hạ tầng công nghệ thông tin được chú trọng đầu tư, phát triển theo chiều sâu, khai thác hiệu quả hạ tầng hiện có với định hướng tập trung hoá và triển khai đồng bộ với các giải pháp an ninh, bảo mật, hình thành các mạng máy tính tốc độ cao, trung tâm dữ liệu ngân hàng và trung tâm dự phòng thảm họa theo tiêu chuẩn.

Quản lý nhà nước về công nghệ thông tin ngành ngân hàng

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin an toàn và hiệu quả, trong năm 2011 Thống đốc ban hành Thông tư 01/2011/TT-NHNN về Quy định việc đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; Thông tư 12/2011/TT-NHNN về Quy định về quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và dịch vụ chứng thực chữ ký số của NHNN và Thông tư 29/2011/TT-NHNN về Quy định về an toàn, bảo mật cho việc cung cấp dịch vụ ngân hàng trên Internet.

Đồng thời, NHNN cũng tiến hành kiểm tra công tác thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực công nghệ tin học tại 8 tổ chức tín dụng. Kết quả, các TCTD đã nhận thức đầy đủ và tuân thủ các quy định của NHNN và triển khai đồng bộ các giải pháp an toàn, bảo mật công nghệ thông tin, giảm thiểu rủi ro cho hoạt động ngân hàng trên nền tảng công nghệ. Các hồ sơ xin cấp



Mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường năng lực quản lý, điều hành và phát triển các dịch vụ, tiện ích ngân hàng điện tử

phép cung cấp dịch vụ ngân hàng điện tử của các TCTD đều qua thẩm định về thiết kế kỹ thuật, vận hành hệ thống của hệ thống thông tin dịch vụ, đảm bảo dịch vụ cung cấp liên tục và an toàn.

Công nghệ thông tin trở thành hạ tầng thiết yếu cho phát triển dịch vụ ngân hàng

Nhằm thu thập thông tin nhanh và chính xác cho quản lý điều hành, năm 2011 NHNN đã triển khai hệ thống báo cáo điện tử theo định hướng tập trung, kết nối đến 63 NHNN chi nhánh, gần 100 Hội sở chính của các TCTD và 1055 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, thay thế hoàn toàn việc gửi báo cáo giấy bằng báo cáo điện tử. Hàng ngày, bảng cân đối kế toán của toàn hệ thống ngân hàng được thu thập và tổng hợp, cung cấp số liệu kịp thời cho phân tích, điều hành của NHNN. Ngoài ra, năm 2011 NHNN đã nghiên cứu thành công mô hình và đang triển khai hệ thống thông tin lập kế hoạch và quản lý phát hành kho quỹ tập trung; hoàn thành triển khai hệ thống thông tin Quản lý tài sản tập trung của toàn hệ thống NHNN; đưa vào sử dụng thử nghiệm hệ thống thư điện tử mới; mở rộng triển khai hệ thống TeamMate trong nghiệp vụ kiểm toán nội bộ cho tất cả các đơn vị NHNN.

Phần IV - Hợp tác quốc tế

Năm 2011, NHNN thực hiện thành công các nhiệm vụ đối ngoại theo chương trình và mục tiêu đã đề ra nhằm củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tăng cường huy động hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài cho Việt Nam, góp phần tích cực vào các nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong khuôn khổ hợp tác khu vực ASEAN, NHNN đã tích cực phối hợp với các nước thành viên trong việc thực hiện các sáng kiến trong lộ trình hợp tác tài chính tiền tệ khu vực, qua đó, tăng cường hợp tác khu vực cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động ngân hàng thông qua việc áp dụng thực hiện các sáng kiến, cam kết khu vực.

Năm 2011, NHNN tham dự Hội nghị Thống đốc NHTW, Phó Thống đốc NHTW ASEAN tháng 4/2011 tại Indonesia; Hội nghị Bộ trưởng Tài chính, Hội nghị Thứ trưởng Tài chính và Thống đốc NHTW ASEAN+3 bên lề Hội nghị thường niên ADB vào tháng 5/2011 tại Hà Nội, Việt Nam; Hội nghị lần thứ nhất Ủy ban cấp cao ASEAN về hội nhập tài chính tháng 6/2011 tại Philippines và nhiều Hội nghị cấp cao khác. Các Hội nghị đã tạo ra một diễn đàn để các nhà lãnh đạo, chuyên gia về tài chính ngân hàng trình bày quan điểm và cùng nhau trao đổi về các vấn đề kinh tế chung của khu vực. Trong khuôn khổ Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP), với tư cách Trưởng nhóm Dịch vụ tài chính, NHNN hiện đang trực tiếp tham gia vào quá trình đàm phán Hiệp định TPP.

Trong hợp tác ASEAN+3, Việt Nam tiếp tục tham gia các vấn đề liên quan đến các sáng kiến hợp tác tài chính, tham gia cuộc họp Nhóm đặc trách đa phương hóa Sáng kiến Chiềng mai (CMIM) tháng 6/2011 tại Singapore. Đây là sáng kiến hợp tác giữa các nước ASEAN với Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc nhằm tạo ra cơ chế hỗ trợ cán cân thanh toán trong ngắn hạn khi gặp rủi ro. Sáng kiến này là nội dung hợp tác quan trọng trong khu vực, góp phần củng cố lòng tin của thị trường vào khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa các quốc gia thành viên khi một quốc gia thành viên gặp phải khó khăn tạm thời về cán cân thanh toán.

“

Tiếp tục mở rộng hợp tác tài chính tiền tệ trong khu vực...



Trong khuôn khổ APEC, NHNN tiếp tục thể hiện vai trò tích cực và chủ động trong việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia (IAP) trong lĩnh vực ngân hàng trong khuôn khổ hợp tác APEC, tham gia đóng góp ý kiến cho các báo cáo nghiên cứu và sáng kiến hợp tác tài chính APEC.

Trong khuôn khổ SEACEN, NHNN đã tham dự Hội nghị thường niên Thống đốc NHTW vào tháng 2/2011 tại Srilanka, Hội nghị thường niên Phó Thống đốc NHTW SEACEN tháng 1/2011 tại Campuchia và một số hội nghị khác ở cấp Phó Thống đốc. Các Hội nghị cũng đã tạo ra một diễn đàn để các Thống đốc và Phó Thống đốc trao đổi các vấn đề liên quan đến hợp tác đào tạo, nghiên cứu về tài chính ngân hàng và các vấn đề kinh tế chung trong khu vực.

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng.

Dấu ấn nổi bật trong quan hệ với ADB nói riêng và hoạt động đối ngoại của Việt Nam nói chung trong năm 2011 là việc đăng cai tổ chức Hội nghị thường niên ADB 44. Hội nghị diễn ra từ ngày 3/5 đến ngày 6/5/2011 tại Hà Nội với sự tham dự của gần 5.000 đại biểu gồm Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Kinh tế, Tài chính và Thống đốc NHTW từ 67 nước hội viên ADB; quan chức cấp cao đến từ các định chế tài chính, ngân hàng, đầu tư, thương mại; các học viện, viện nghiên cứu quốc tế và trong nước; quan sát viên; các tổ chức phi chính phủ/tổ chức dân sự xã hội (NGO/CSO) và các hãng thông tấn quốc tế.

Hội nghị thường niên ADB tổ chức tại Việt Nam được đánh giá là thành công trên nhiều phương diện. Đây là Hội nghị Thường niên lớn nhất của ADB từ trước đến nay xét về số lượng người tham dự, thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới báo chí, truyền thông trong và ngoài nước, thể hiện ở số lượng phóng viên báo chí, truyền hình đăng ký cao nhất từ trước đến nay. Nước chủ nhà Việt Nam đã thể hiện



Củng cố vững chắc quan hệ với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, tổ chức thành công Hội nghị thường niên ADB lần thứ 44 tại Việt Nam

được vai trò và tiếng nói của mình không chỉ trong khâu tổ chức Hội nghị mà còn tại các nội dung thảo luận, các diễn đàn tại Hội nghị thông qua việc tham gia, phát biểu và đóng góp ý kiến tại hầu hết các sự kiện quan trọng. Công tác tổ chức, lễ tân, hậu cần đảm bảo trọng thị, chu đáo, nhận được sự đánh giá cao của các đại biểu tham dự. Các sự kiện của Hội nghị cũng như các đại biểu tham dự Hội nghị được đảm bảo an ninh an toàn trong suốt thời gian diễn ra Hội nghị. Bên cạnh đó, công tác truyền thông, quảng bá về Hội nghị và giới thiệu hình ảnh Việt Nam trên mọi phương diện đã được đầu tư và thực hiện hiệu quả.

Tiếp tục phát huy vai trò cơ quan đại diện của Chính phủ tại ADB, năm qua NHNN đã tích cực tham gia vận động, chủ trì đàm phán và ký kết, và phối hợp theo dõi và quản lý việc triển khai các chương trình, dự án, hỗ trợ kỹ thuật do ADB tài trợ. Năm 2011, NHNN đã chủ trì đàm phán thành công với ADB 06 dự án/chương trình với tổng trị giá vốn vay khoảng 734,8 triệu USD.

Trong quan hệ với WB, năm 2011 là năm đánh dấu 35 năm quan hệ hợp tác giữa hai bên. Tại Hội nghị quan hệ hợp tác Việt Nam WB tổ chức vào ngày 4/11/2011, Chính phủ Việt Nam và WB đã tổng kết những thành công trong quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và WB, và đánh giá cao những hỗ trợ của WB cho công cuộc đổi mới của Việt Nam. Ngoài ra, năm 2011, NHNN đã chủ trì đàm phán thành công với WB 16 chương trình/dự án với tổng số vốn 2,825 tỷ USD.

Với IMF, NHNN tiếp tục duy trì các hoạt động đối thoại chính sách, các chương trình, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo với IMF. Thông qua các Đoàn Cán bộ IMF vào Việt Nam công tác định kỳ để tiến hành các đợt Tham khảo thường niên theo Điều IV, Điều lệ IMF và các đoàn cập nhật tình hình kinh tế của Việt Nam để từ đó giúp theo dõi, giám sát và đánh giá tình hình và triển vọng kinh tế và đưa ra các tư vấn chính sách phù hợp, hướng tới mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, trong năm 2011, Chính phủ Việt Nam đã đồng ý về chủ trương triển khai Chương trình Đánh giá Khu vực Tài chính (FSAP) do IMF và WB đồng thực hiện. Bên cạnh đó, IMF đang triển khai hỗ trợ kỹ thuật về đào tạo các thanh tra viên trong lĩnh vực phòng chống rửa tiền/tài trợ cho khủng bố và hỗ trợ Việt Nam xây dựng luật phòng chống rửa tiền; đồng thời, IMF cũng cung



cấp hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam trong lĩnh vực cán cân thanh toán và đầu tư quốc tế. Về hợp tác đào tạo, IMF vẫn tiếp tục cung cấp cho cán bộ NHNN và các Bộ, ngành liên quan các chương trình học bổng dài hạn và khóa đào tạo ngắn hạn liên quan đến các chủ đề như chính sách an toàn ngành ngân hàng, thống kê cán cân thanh toán quốc tế; các cán bộ Việt Nam tiếp tục được mời tham dự các hội thảo do IMF tổ chức.

3. Quan hệ hợp tác song phương

NHNN tiếp tục tạo lập mối quan hệ chặt chẽ và duy trì liên hệ thường xuyên với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để huy động hỗ trợ nhằm tăng cường năng lực cho NHNN và nâng cao vị thế của NHNN trên các diễn đàn tài chính quốc tế và khu vực. Trong lĩnh vực hợp tác đào tạo, NHNN đã phối hợp với các bên liên quan tổ chức các khóa học, hội thảo và thuyết trình trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với Luxembourg, Thụy Điển và Ba Lan; và phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai chương trình hỗ trợ đào tạo trong lĩnh vực tài chính ngân hàng với NH Quốc gia Lào.

Năm 2011, NHNN đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng với NHTW Ukraine, Lào và biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực phòng chống rửa tiền với NHTW Lào. Ngoài 3 biên bản ghi nhớ trên, NHNN còn ký thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực thống kê với Văn phòng Thủ hiến bang Hessen CHLB Đức và thỏa thuận trao đổi thông tin thanh tra giám sát ngân hàng với Mỹ.

Về tình hình triển khai các chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính Mỹ thực hiện các hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực của NHNN và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Song song với đó, sau 01 năm triển khai thực hiện từ tháng 8/2010 đến tháng 8/2011, dự án Tăng cường năng lực cho NHNN do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) tài trợ đã hoàn tất, góp phần tăng cường năng lực, củng cố cơ sở hạ tầng về tài chính cho NHNN.



Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế khác

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 - CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NHNN CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất chào mua thị trường mở
Tháng12/2010	9	7	10
Tháng1/2011	9	7	11
Tháng 2/2011	11	7	12
Tháng 3/2011	12	12	12
Tháng 4/2011	13	12	14
Tháng 5/2011	14	13	15
Tháng 6/2011	14	13	15
Tháng 7/2011	14	13	14
Tháng 8/2011	14	13	14
Tháng 9/2011	14	13	14
Tháng 10/2011	15	13	14
Tháng 11/2011	15	13	14
Tháng12/2011	15	13	14

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Đơn vị: %/năm

Chào Mua	2010	2011
Số phiên	490	431
Kỳ hạn (ngày)	7; 14; 28	7;14
Số lượt thành viên	6.017	8,469
Doanh số đặt thầu (tỷ đồng)	4.034.104	5.981.403
Doanh số trúng thầu (tỷ đồng)	2.101.421	2.801.253
Lãi suất (%/năm)	7.0-10	10-15
Phương thức đấu thầu	Khối lượng	Khối lượng

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRÙ BẮT BUỘC NĂM 2009-2011

Đơn vị: %

Thời điểm hiệu lực	TIỀN GỬI BẢNG VND				TIỀN GỬI BẢNG NGOẠI TỆ			
	Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG				Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG			
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên		Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng		Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	
NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTMCP đó thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty TC.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP nông thôn, Quỹ TDNDTW, ngân hàng hợp tác TC.	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTMCP đó thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty cho thuê TC	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP nông thôn, Quỹ TDNDTW, ngân hàng hợp tác	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTMCP đó thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty TC.	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP nông thôn, Quỹ TDNDTW, ngân hàng hợp tác	NHTM nhà nước (trừ NHNO), NHTMCP đó thị, Chi nhánh nước ngoài, NH liên doanh, công ty cho thuê TC	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, NHTMCP nông thôn, Quỹ TDNDTW, ngân hàng hợp tác	
								Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài

(*) Từ tháng 12/2010, thực hiện theo Thông tư 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ tổ chức tín dụng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, các TCTD áp dụng tỷ lệ DTBB của tiền gửi VND được chia thành 2 nhóm: (1) Nhóm TCTD áp dụng theo tỷ lệ DTBB thông thường; (2) Nhóm TCTD có tỷ trọng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn cao được áp dụng tỷ lệ DTBB thấp hơn tỷ lệ DTBB thông thường, cụ thể tỷ lệ bằng 1/20 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 70% trở lên; tỷ lệ bằng 1/5 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 40% đến dưới 70%.

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN

Đơn vị: triệu USD

	2010	2011
A. TÀI KHOẢN VẮNG LAI	-4.276	236
1. Cán cân thương mại	-5.136	-450
Xuất khẩu (FOB)	72.237	96.906
Nhập Khẩu (FOB)	77.373	97.356
2. Dịch vụ	-2.461	-2.980
Thu	7.460	8.879
Chi	9.921	11.859
3. Chuyển tiền	7.885	8.685
Khu vực tư nhân	7.569	8.326
Khu vực chính phủ	316	359
4. Thu nhập đầu tư	-4.564	-5.019
Thu	456	395
Chi	5.020	5.414
B. TÀI KHOẢN VỐN VÀ TÀI CHÍNH	6.201	6.390
5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài	7.100	6.480
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam	8.000	7.430
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	900	950
6. Vay trả nợ trung và dài hạn	2.751	3.285
Rút vốn	4.671	5.706
Trả nợ	1.920	2.421
7. Vay trả nợ ngắn hạn	1.043	1.615
Rút vốn	8.386	14.568
Trả nợ	7.343	12.953
8. Đầu tư gián tiếp nước ngoài	2.370	1.412
9. Tiền và tiền gửi	-7.063	-6.402
C. LỖI VÀ SAI SÓT	-3.690	-5.477
D. CÁN CÂN TỔNG THỂ	-1.765	1.149
E. TÀI TRỢ	1.765	-1.149
10. Thay đổi tổng dự trữ ngoại tệ quốc tế	1.765	-1.149
Thay đổi tổng tài sản nước ngoài của NHNN trừ sử dụng vốn của IMF	1803	-1.118
Sử dụng vốn của IMF	-38	-31
11. Thay đổi nợ quá hạn và gia hạn nợ	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA ĐÔ LA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị: Đồng/USD

Năm 2011	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM		Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	18.932	19.495	19.500	18.932	19.495	19.500
Tháng 2	20.673	20.870	20.880	20.318	20.544	20.615
Tháng 3	20.703	20.905	20.910	20.673	20.874	20.880
Tháng 4	20.703	20.495	20.595	20.713	20.840	20.869
Tháng 5	20.643	20.510	20.610	20.679	20.590	20.700
Tháng 6	20.618	20.550	20.620	20.622	20.558	20.639
Tháng 7	20.608	20.560	20.610	20.610	20.555	20.621
Tháng 8	20.628	20.830	20.834	20.618	20.745	20.781
Tháng 9	20.628	20.830	20.834	20.628	20.830	20.833
Tháng 10	20.803	21.005	21.011	20.708	20.910	20.915
Tháng 11	20.803	21.005	21.011	20.803	21.005	21.011
Tháng 12	20.828	21.030	21.036	20.813	21.015	21.020

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/chỉ

Giá vàng ngày cuối tháng		Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	3.590	3.557
Tháng 2	3.759	3.704
Tháng 3	3.693	3.720
Tháng 4	3.662	3.722
Tháng 5	3.651	3.723
Tháng 6	3.781	3.790
Tháng 7	4.016	3.886
Tháng 8	4.693	4.495
Tháng 9	4.420	4.666
Tháng 10	4.485	4.418
Tháng 11	4.475	4.558
Tháng 12	4.180	4.401

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
	So với tháng 12 năm trước	1.2	3.3	2.8	3.0	3.6	4.0	4.4	4.8	5.1	5.4	6.0	6.6
2006	So với tháng trước	1.2	2.1	-0.5	0.2	0.6	0.4	0.4	0.4	0.3	0.2	0.6	0.5
	So với cùng kỳ	8.8	8.4	7.7	7.4	7.5	7.6	7.5	7.5	6.9	6.7	6.9	6.6
	So với tháng 12 năm trước	1.1	3.2	3.0	3.5	4.3	5.2	6.2	6.8	7.3	8.1	9.5	12.6
2007	So với tháng trước	1.1	2.2	-0.2	0.5	0.8	0.8	0.9	0.5	0.5	0.7	1.2	2.9
	So với cùng kỳ	6.5	6.5	6.8	7.2	7.3	7.8	8.4	8.6	8.8	9.3	10.0	12.6
	So với tháng 12 năm trước	2.4	6.0	9.2	11.6	16.0	18.4	19.8	21.7	21.9	21.6	20.7	19.9
2008	So với tháng trước	2.4	3.6	3.0	2.2	3.9	2.1	1.1	1.6	0.2	-0.2	-0.8	-0.7
	So với cùng kỳ	14.1	15.7	19.4	21.4	25.2	26.8	27.0	28.3	27.9	26.7	24.2	19.9
	So với tháng 12 năm trước	0.32	1.49	1.32	1.68	2.12	2.68	3.22	3.47	4.11	4.49	5.07	6.52
2009	So với tháng trước	0.32	1.17	-0.17	0.35	0.44	0.55	0.52	0.24	0.62	0.37	0.55	1.38
	So với cùng kỳ	17.5	14.8	11.3	9.23	5.58	3.94	3.31	1.97	2.42	2.99	4.35	6.52
	So với tháng 12 năm trước	1.36	3.35	4.12	4.27	4.55	4.78	4.84	5.08	6.46	7.58	9.58	11.7
2010	So với tháng trước	1.36	1.96	0.75	0.14	0.27	0.22	0.06	0.23	1.31	1.05	1.86	1.98
	So với cùng kỳ	7.62	8.46	9.46	9.23	9.05	8.69	8.19	8.18	8.92	9.66	11.09	11.75
	So với tháng 12 năm trước	1.74	3.87	6.12	9.4	12.1	13.3	14.6	15.7	16.6	17	17.1	18.1
2011	So với tháng trước	1.74	2.09	2.17	3.32	2.21	1.09	1.17	0.93	0.82	0.36	0.38	0.53
	So với cùng kỳ	12.17	12.31	13.89	17.20	19.78	20.82	22.16	23.02	22.42	21.59	19.31	18.13

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2010	Q1/2011	Q2/2011	Q3/2011	Q4/2011
Số tuyệt đối (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	2.789.184	2.824.605	2.874.328	3.018.735	3.125.961
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	2.451.236	2.476.760	2.548.269	2.681.431	2.754.968
3. Tổng dư nợ tín dụng	2.475.535	2.584.863	2.657.053	2.688.672	2.830.193
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	33.30	31.17	21.85	19.17	12.07
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	36.24	32.36	23.07	20.09	12.39
3. Tổng dư nợ tín dụng	32.43	33.53	27.29	19.42	14.33

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2000	441.646	6.79	5.689
2001	481.295	6.84	6.117
2002	535.762	7.08	6.720
2003	613.443	7.34	7.583
2004	715.307	7.79	8.720
2005	839.211	8.44	10.098
2006	974.266	8.23	11.580
2007	1.144.015	8.48	13.428
2008	1.478.695	6.18	17.445
2009	1.645.481	5.32	19.278
2010	1.980.914	6.78	22.787
2011	2.535.008	5.89	27.000

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam